MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TSCĐ VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Tài sản cố định và sự cần thiết của TSCĐ trong doanh nghiệp
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ
1.1.1.1 Khái niệm
1.1.1.2 Đặc điểm

1.1.2 Vai trò, yêu cầu quản lí và nhiệm vụ hạch toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

1.1.2.1 Vai trò và yêu cầu quản lí TSCĐ

1.1.2.2 Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

1.1.3 Phân loại và đánh giá TSCĐ

1.1.3.1.1 Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện

1.1.3.1.2 Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu

1.1.3.1.3 Phân loại TSCĐ theo nguồn vốn hình thành

1.1.3.1.4 Phân loại TSCĐ theo công dụng và tình hình sử dụng

1.1.3.2 Đánh giá TSCĐ

1.1.3.2.1 Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá

1.1.3.2.2 Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn

1.1.3.2.3 Đánh giá theo giá trị còn lại

1.1.4 Khấu hao TSCĐ

1.1.4.1 Khái niệm hao mòn và khấu hao TSCĐ

1.1.4.2 Các phương pháp trích khấu hao cơ bản

1.1.4.2.1 Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

1.1.4.2.2 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần cố điều chỉnh

1.1.4.2.3 Phương pháp theo số lượng sản phẩm

1.2 Tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

1.2.1 Hạch toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Tổ chức chứng từ kế toán TSCĐ

1.2.1.2 Các sổ sách sử dụng

1.2.2 Hạch toán kế toán tổng hợp TSCĐ tại doanh nghiệp

1.2.2.1 Hạch toán tổng hợp tình hình tăng, giảm TSCĐ tại doanh nghiệp

1.2.2.2 Hạch toán khấu hao TSCĐ tại doanh nghiệp

1.2.2.3 Hạch toán kế toán sửa chữa TSCĐ

1.2.2.3.1 Kế toán sửa chữa nhỏ TSCĐ.

1.2.2.3.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

1.2.3 Kế toán đánh giá lại TSCĐ

1.2.4 Tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG (PTS)

2.1 Khái quát về công ty PTS

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty PTS

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty PTS

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lí tại công ty PTS

2.1.5 Công tác kế toán tại công ty PTS

2.1.5.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty

2.1.5.2. Hình thức kế toán, chính sách và các phương pháp áp dụng tại PTS

2.2 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty PTS

2.2.1 Đặc điểm, phân loại TSCĐ của công ty PTS

2.2.2Đánh giá TSCĐ hữu hình

2.2.3 Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

2.2.3.1 Kế toán chi tiết về tình hình tăng, giảm TSCĐ tại công ty

2.2.3.2 Kế toán chi tiết sửa chữa TSCĐ tại công ty

2.2.4 Kế toán tổng hợp TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

2.2.4.1 Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng

2.2.4.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ hữu hình

2.2.4.2.1 Kế toán tăng TSCĐ hữu hình

2.2.4.2.2 Kế toán giảm TSCĐ

2.2.5 Tổ chức hạch toán khấu hao TSCĐ tại công ty PTS

2.2.6 Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng năm 2009

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

3.1 Nhận xét, đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

3.1.1 Ưu điểm

3.1.2 Nhược điểm

3.1.3 Nguyên nhân của tồn tại

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện

3.2.2 Một số kiến nghi nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lời mở đầu

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm cường độ lao động và tăng năng suất lao động. Nó thể hiện trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh.Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhất là khi khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh, trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (PTS) em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tầm tập hợp tài liệu về TSCĐ và hạch toán kế toán TSCĐ của công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng và đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: **"Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng"**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận được chia làm 3 chương:

Chương I: Một số vấn đề lí luận cơ bản về TSCĐ và hạch toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

Chương II: Công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Để hoàn thành khóa luận này, em đã được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Ban giám đốc, các anh chị trong phòng Tài chính – Kế toán, các phòng ban liên quan của công ty, các thầy cô trong khoa, trong trường và thầy giáo hướng dẫn.

Mặc dù trong quá trình thực tập em đã cố gắng nhưng trình độ có hạn, thời gian thực tập ngắn ngủi, thực tế thì vô cùng phong phú, do vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến chỉ dẫn của Ban lãnh đạo công ty, của các anh chị trong phòng kế toán và của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Dưới đây em xin trình bày toàn bộ nội dung của khóa luận

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TSCĐ VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Tài sản cố định và sự cần thiết của TSCĐ trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ

1.1.1.1 Khái niệm

TSCĐ là những tài sản có thể có hình thái vật chất cụ thể và cũng có thể chỉ tồn tại dưới hình thái giá trị được sử dụng để thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hay nói cách khác TSCĐ là những tư liệu lao động dùng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải…mà có đủ

tiêu chuẩn về mặt giá trị và thời gian sử dụng theo quy định trong chế độ quản lí TSCĐ của Nhà nước.

TSCĐ hữu hình:là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định) thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐHH, tham gia nhiều vào chu kì sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị…

TSCĐ vô hình: là những tài sản không có hình thái vật chất thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình, tham gia nhiều vào chu kì sản xuất kinh doanh, như một số chi phí trực tiếp tới đất sử dụng, chi phí về quyền phát hành, bằng sang chế, bản quyền tác giả...

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thoả mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy.
- Có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm trở lên.
- Có giá trị 10.000.000 đồng trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

1.1.1.2 Đặc điểm của TSCĐ

Nhận biết đặc điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý TSCĐ. TSCĐ có một số đặc điểm sau:

-TSCĐ tham gia vào nhiều chu kì sản xuất kinh doanh, không thay đổi hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn.

- Giá trị hao mòn của TSCĐ được chuyển dần vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng kỳ dưới hình thức chi phí khấu hao TSCĐ. Khấu hao TSCĐ là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó.

- TSCĐ trải qua rất nhiều chu kì kinh doanh mới hoàn đủ một vòng quay của số vốn bỏ ra ban đầu để mua sắm. Do đó doanh nghiệp phải quản lí tài sản cả về giá trị và hiện vật.

1.1.2 Vai trò, yêu cầu quản lí và nhiệm vụ hạch toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

1.1.2.1 Vai trò và yêu cầu quản lí TSCĐ

Trong các doanh nghiệp, vốn cố định (được biểu hiện thông qua tiền mặt và giá trị của TSCĐ) là một bộ phận quan trọng của vố đầu tư nói riêng và vốn sản xuất nói chung. TSCĐ thường chiếm một tỉ trọng lớn so với tổng vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chúng được coi là cơ sở vật chất kĩ thuật của quá trình sản xuất kinh doanh. Như C.Mac nói: ”các thời đại kinh tế được phân biệt với nhau không phải bởi vì nó sản xuất ra cái gì mà bởi vì nó sản xuất ra như thế nào và bằng tư liệu nào”. Điều đó đồng nghĩa với việc khẳng định tầm quan trọng, vai trò và vị trí của TSCĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai trò là công cụ lao động chủ yếu trong quá trình sản xuất, được coi là cơ sở vật chất kĩ thuật, trình độ công nghệ, thế mạnh của doanh nghiệp. Trong một doanh nghiệp nếu TSCĐ phát triển thì sức lao động được tiết kiệm hơn và năng suất lao động tăng cao hơn.

Trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, với trình độ khoa học kĩ thuật hiện đại để tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, nâng cao hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp thì vấn đề đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật công

nghệ cho quá trình sản xuất là rất cần thiết. Muốn vậy, việc quản lí TSCĐ phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

-Về mặt hiện vật: Không phải chỉ nguyên hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ mà quan trọng hơn là duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của nó. Điều đó có ý nghĩa là trong quá trình sử dụng doanh nghiệp phải quản lí chặt chẽ không làm mất mát TSCĐ, thực hiện đúng quy chế sử dụng, bảo dưỡng sửa chữa TSCĐ, không để TSCĐ hư hỏng trước thời hạn quy định.

-Về mặt giá trị: phải quản lí chặt chẽ tình hình hao mòn, việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học, hợp lí để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việctái đầu tư TSCĐ, xác định giá trị còn lại của TSCĐ một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

1.1.2.2 Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

Quản lí và sử dụng tốt TSCĐ không chỉ tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kế hoạch sản xuất mà còn là biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, vì vậy kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

-Ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình tăng giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như ở toàn bộ trên các mặt : số lượng, chất lượng, cơ cấu, giá trị đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

-Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng.

-Phản ánh và kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ.Tham gia lập kế hoạch sửa chữa, dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sửa chữa.

-Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ các quá trình thanh lí, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lí và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

-Lập báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng và bảo quản các loại TSCĐ.

1.1.3 Phân loại và đánh giá TSCĐ

1.1.3.1.1 Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện

Theo phương pháp này, TSCĐ trong doanh nghiệp được chia làm 2 loại : TSCĐ có hình thái vật chất (TSCĐ hữu hình) và TSCĐ không có hình thái vật chất (TSCĐ vô hình)

***TSCĐ hữu hình bao gồm :**

-Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như: trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi, cầu cảng…

-Máy móc thiết bị: là toàn bộ máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: máy chuyên dụng, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ…

-Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là những phương tiện di động dung để vận chuyển trên đường sắt, đường bộ, đường hàng không, đường ống và thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, hệ thống dẫn nước.

-Thiết bị, dụng cụ quản lí: Là các thiết bị dùng trong công tác quản lí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: như máy vi tính, thiết bị điện tử, thiết bị dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng…

-Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh…Súc vật làm việc cho sản phẩm như: đàn voi, đàn trâu…

-TSCĐ hữu hình khác: là toàn bộ các loại TSCĐ hữu hình chưa được liệt vào 5 loại trên như: tác phẩm nghệ thuật, tranh ảnh, sách chuyên môn…

***Đối với TSCĐ vô hình:** bao gồm:

-Quyền sử dụng đất

-Quyền phát hành

-Bản quyền, bằng sáng chế

-Nhãn hiệu hàng hóa

-Phần mềm máy tính

-Giấy phép và giấy chuyển nhượng

-TSCĐ vô hình khác

Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện giúp cho doanh nghiệp thấy được tổng quan cơ cấu đầu tư vào TSCĐ hữu hình và vô hình. Đây là căn cứ quan trọng trong việc quyết định điều chỉnh phương hướng đầu tư cho thích hợp với điều kiện, tình hình thực tế của doanh nghiệp. Ngoài ra cách phân loại này có tác dụng trong việc áp dụng phương pháp tính khấu hao hoặc phân bổ dần giá trị TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh cho phù hợp với từng loại TSCĐ. Do thời gian thực tập co hạn nên em chủ yếu đi sâu nghiên cứu TSCĐ hữu hình.

1.1.3.1.2 Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu

Căn cứ vào quyền sở hữu đối với TSCĐ thì TSCĐ của doanh nghiệp được chia ra làm hai loại: TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

*TSCĐ tự có: là các TSCĐ được xây dựng, mua sắm và hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn ngân sách hoặc cấp trên cấp, nguồn vốn vay, nguồn vốn liên doanh, các quỹ của doanh nghiệp và các TSCĐ được quyên tặng, viện trợ không hoàn lại…Đây là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp

1.1.3.1.3 Phân loại TSCĐ theo nguồn vốn hình thành

Theo cách này TSCĐ được chia thành:

-TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước cấp.

- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn vay

- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung.

-TSCĐ nhận góp vốn, vốn liên doanh bằng hiện vật.

Các phân loại này giúp cho người sử dụng phân biệt được quyền- nghĩa vụ của đơn vị trong quản lí TSCĐ, giúp doanh nghiệp ra quyết định sử dụng nguồn vốn khấu hao một cách hợp lí.

1.1.3.1.4 Phân loại TSCĐ theo công dụng và tình hình sử dụng

Theo cách chia này người ta phân TSCĐ ra thành;

-TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh

-TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng

-TSCĐ chờ xử lí

-TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ

Dựa vào cách phân loại này có thể tiến hành phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp thông qua việc phân tích kết cấuTSCĐ.

Có thể nói, mỗi cách phân loại trên đều cho phép đánh giá, xem xét kết cấu TSCĐ của doanh nghiệp theo các tiêu thức khác nhau. Kết cấu TSCĐ là tỉ trọng giữa nguyên giá của một loại TSCĐ nào đó so với tổng nguyên giá các loại TSCĐ của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.Kết cấu TSCĐ giữa các doanh nghiệp trong các ngành sản xuất khác nhau hoặc thậm chi trong cùng ngành sản xuất cũng không giống nhau hoàn toàn. Sự khác biệt hoặc biến động của kết cấu TSCĐ trong các thời kì khác nhau chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: quy mô sản xuất, khả năng thu hút vốn đầu tư, khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, trình độ khoa học kĩ thuật…Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp việc phân loại và phân tích tình hình kết cấu TSCĐlà một việc làm cần thiết giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của doanh nghiệp.

Phân loại TSCĐ góp phần quan trọng trong quản lí tài sản cũng như việc tổ chức hạch toán TSCĐ được nhanh chóng, chính xác. Từ đó cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lí nhằm cải thiện, thay đổi TSCĐ theo kịp sự phát triển của công nghệ.

1.1.3.2 Đánh giá TSCĐ

Mục đích của đánh giá TSCĐ là nhằm đánh giá được năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư để tái sản xuất TSCĐ khi nó bị hư hỏng và nhằm phân tích đúng hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

Đánh giá TSCĐ là biểu hiện giá trị TSCĐ bằng tiền theo những nguyên tắc nhất định. Xuất phát từ đặc điểm, yêu cầu quản lí TSCĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, TSCĐ được đánh giá theo 3 chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại.

1.1.3.2.1 Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá

Về nguyên tắc, nguyên giá TSCĐ được xác định trên cơ sở chi phí thực tế mà doanh nghiệp bỏ ra để hình thành và đưa TSCĐ vào sử dụng. Hay nói cách khác nguyên giá TSCĐ là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc mua sắm, xây dựng TSCĐ kể cả chi phí tháo gỡ, vận chuyển, lắp đặt, chạy thử cho đến khi TSCĐ được đưa vào sử dụng. TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn khác nhau do vậy nguyên giá của TSCĐ trong từng trường hợp được tính toán, xác định như sau:

***Đối với TSCĐ hữu hình**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được TSCĐ hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, cụ thể;

-TSCĐ hữu hình mua sắm: nguyên giá của TSCĐ hữu hình mua sắm bao gồm giá trị mua(trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế(không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí lắp đặt, chạy thử, chi phí chuyên gia và các chi phí trực tiếp khác.

Trường hợp mua TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất phải được xác định riêng biệt và ghi nhận vào TSCĐ vô hình.

-TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp: nguyên giá TSCĐ được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa chậm trả và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí theo kì hạn thanh toán, trừ trường hợp số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá của TSCĐ hữu hình theo quy định vốn hoá chi phí lãi vay.

-TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế: nguyên giá của TSCĐ này là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình tự xây hoặc tự chế cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do chính mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất ra sản phẩm đó công chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong đó, các trường hợp trên mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của TSCĐ đó. Các chi phí như: nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao

động hoặc các khoản chi phí vượt mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình.

-TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương pháp giao thầu: Đối với TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương pháp giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng cộng các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ(nếu có).

-TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi: nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương đương hoặc tài sản khác được xâydựng theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem ra trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả them hoặc thu về.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới dạng trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự(tài sản tương tự là tài sản có công dụng tương tự trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương). Trong cả hai trường hợp không có bất kì một khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCĐ nhận về được tình bằng giá trị còn lại của TSCĐ đem ra trao đổi.

-Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tài trợ, biếu tặng: được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu.Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì doanh nghiệp ghi nhận theo giá trị danh nghĩa công các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Đối với TSCĐ vô hình**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được xác định cụ thể theo từng loại như sau:

-Đất (giá trị quyền sử dụng đất): là tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp công chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ…(không bao gồm chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất), hoặc quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí danh nghiệp, không ghi nhận là TSCĐ vô hình.

-Quyền phát hành,bản quyền, bằng sang chế: Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh mà doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành bản quyền , bằng sang chế.

-Nhãn hiệu hàng hoá: Nguyên giá của TSCĐ vô hình là nhãn hiệu hàng hoá là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

-Phần mềm máy vi tính: nguyên giá của TSCĐ vô hình này là số chi trả cho lập trình viên hoặc mua phần mềm máy vi tính theo các chương trình của đơn vị(đối với các đơn vị thực hiện ghi chép quản lý bằng máy vi tính).

1.1.3.2.2 Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn

Hao mòn TSCĐ lá sự giảm dần giá trị khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do tác động của điều kiện tự nhiên, của sự tiến bộ khoa học kĩ thuật. Giá trị hao mòn cuả TSCĐ được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng . Số khấu hao từng kỳ được hạch toán vào giá trị của tài sản khác như: khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là các bộ phận cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình, chi phí TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác , giá trị hao mòn phản ảnh nguồn vốn đầu tư coi như đã thu hồi của TSCĐ ở thời điểm nhất định.

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ hữu hình cần xem xét các yếu tố sau:

+Mức độ sử dụng ước tính của doanh nghiệp đó;

+Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng tài sản như: số ca làm việc, việc bảo quản TSCĐ…

+Hao mòn vô hình phát sinh do việc thay đổi hay cải tiến dây chuyền công nghệ hay do sự thay đổi nhu cầu thị trường;

+Giới hạn có tính hợp lý trong việc sử dụng tài sản như ngày hết hạn hợp đồng của TSCĐ thuê tài chính...

Thời gian sử dụng phải được xem xét lại theo định kỳ, thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích cuat TSCĐ thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

Công thức tính khấu hao:

Mức khấu hao = Nguyên giá TSCĐ x Tỷ lệ khấu hao.

1.1.3.2.3 Đánh giá theo giá trị còn lại

Bên cạnh việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá, thì TSCĐ còn được đánh giá theo giá trị còn lại.

Công thức tính:

GTCL của TSCĐ = Nguyên giá TSCĐ - Số hao mòn luỹ kế TSCĐ

Trường hợp TSCĐ hữu hình được đánh giá lại theo quy định của Nhà nước thì nguyên giá, khấu hao luỹ kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ hữu hình được xử lý và kế toán theo quy định của Nhà nước.

1.1.4 Khấu hao TSCĐ

1.1.4.1 Khái niệm hao mòn và khấu hao TSCĐ

Bất cứ TSCĐ nào, dù sử dụng hay không sủ dụng đều có thể bị hao mòn, làm giảm giá trị của TSCĐ, làm giảm hiệu suất của TSCĐ. Sự hao mòn này có thể là vô hình hoặc hữu hình.

Đối với những TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất thì nó sẽ bị hao mòn dần(hao mòn hữu tính). Mức độ hao mòn khi đó sẽ phụ thuộc vào các nhân tố thuộc về trình độ chế tạo, chất lượng vật liệu, quá trình sử dụng,bảo quản… Tuy nhiên, kể cả nhứng TSCĐ không tham gia vào quá trình sản xuất cũng có thể bị hao mòn(hao mòn vô hình). Lúc đó,TSCĐ có thể bị giảm giá trị do năng suất lao động xã hội tăng lên hoặc do xuất hiện những thiết bị tốt hơn, tính năng kỹ thuật hoàn thiên hơn và có năng suất cao hơn.

Tóm lại, hao mòn TSCĐ chính là sự giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ do tham gia vào hoạt động kinh doanh, do bào mòn tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật… trong quá trính hoạt động của TSCĐ.

Chính vì TSCĐ bị giảm dần giá trị nên yêu cấu đặt ra đối với nhà quản trị là phải nhận thức được sự hao mòn cũng như thời gian sử dụng hữu ích của tái sản để từ đó chuyển dần giá trị hao mòn vào giá trị sản phẩm làm ra. Sự chuyển dịch đó chính là khấu hao của TSCĐ.Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá TSCĐ vào chi phí kinh doanh qua thời gian sử dụng của TSCĐ.

Vì khấu hao chỉ là sự tính toán và phản ánh hao mòn của TSCĐ nên nó không bao giờ phản ảnh một cách tuyệt đối chính xác sự hao mòn. Mức độ chính xác của sự phản ánh hao mòn qua khấu hao sẽ bị ảnh hưởng bởi các phương pháp tính khấu hao. Doanh nghiệp càng sử dụng phương pháp tính khấu hao thích hợp với từng loại TSCĐ thì phản ánh càng đúng sự hao mòn của tài sản đó.

1.1.4.2 Các phương pháp trích khấu hao cơ bản

Căn cứ vào khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho tứng phương pháp tính khấu hao TSCĐ, doanh nghiệp lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại TSCĐ của doanh nghiệp. Theo quyết định số 206/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính có 3 phương pháp trích khấu hao của TSCĐ:

1.1.4.2.1 Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

Theo phương pháp này số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ.

-Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho TSCĐ theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{NG TSCĐ}}{\text{số năm sử dụng}} = \text{NG TSCĐ} \times \text{tỷ lệ khấu hao năm}$$

-Xác định mức trích khấu hao bình quân tháng cho TSCĐ theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tháng} = \frac{\text{số khấu hao phải trích cả năm}}{12}$$

1.1.4.2.2 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần cố điều chỉnh

*Điều kiện áp dụng

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

-Là TSCĐ đầu tư mới(chưa qua sử dụng)

-Là loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm…

*Nội dung phương pháp

-Trong các năm đầu, mức trích khấu hao năm của TSCĐ được tính theo công thức sau:

Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ = **giá trị còn lại của TSCĐ** × **tỷ lệ khấu hao nhanh**

-Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức:

Tỉ lệ khấu hao nhanh(%) = **tỉ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng** × **hệ số điều chỉnh**

-Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng:

$$\textbf{Tỉ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng} = \frac{1}{\textbf{thời gian sử dụng của TSCĐ}} \times 100$$

-Hệ số điều chỉnh được xác định theo thời gian sử dụng của TSCĐ

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh
Đến 4 năm (t≤4 năm)	1.5
Trên 4 năm đến 6 năm (4 năm <t≤6 năm)	2.0
Trên 6 năm (t>6 năm)	2.5

-Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức tính khấu hao năm tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức trích khấu hao bình quân năm được tính bằng giá trị còn lại chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ và mức trích khấu hao tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

1.1.4.2.3 Phương pháp theo số lượng sản phẩm

Phương pháp này dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản có thể tạo ra.

*Điều kiện áp dụng

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

-Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm.

-Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ.

-Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế.

*Nội dung của phương pháp

Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tát là sản lượng theo công suất thiết kế.

Căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất thực tế hàng tháng , hàng năm của TSCĐ.

-Trên cơ sở đó kế toán xác định mức trích khấu hao tháng của TSCĐ theo công thức:

Mức trích khấu hao bình quân tính cho 1 đơn vị sản phẩm = **Số lượng sản phẩm sản xuất thực tế** × **Mức trích khấu hao bình quân tính cho 1 đơn vị sản phẩm**

-Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm được xác định theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{}$$

tính cho 1 đơn vị sản phẩm **tổng sản lượng theo công suất thiết kế**

-Khi đó mức trích khấu hao năm được tính theo công thức

Mức trích khấu hao năm = mức trích khấu hao hàng tháng × 12

Công thức này chỉ sử dụng khi mức trích khấu hao tháng không thay đổi hoặc số lượng sản phẩm sản xuất thực tế trong các tháng thực tế không thay đổi.

Hoặc

Mức trích khấu hao năm của TSCĐ = **số lượng sản phẩm sản xuất thực tế trong năm** × **mức khấu hao bình quân tính cho 1 đơn vị sản phẩm**

-Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi thì doanh nghiệp phải xác điịnh lại mức trích khấu hao của TSCĐ

1.2 Tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

1.2.1 Hạch toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Tổ chức chứng từ kế toán TSCĐ

Chứng từ kế toán là cơ sở ban đầu để các NVKTPS về TSCĐ, nó còn là căn cứ để kế toán ghi sổ, tiến hành theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, từ đó đưa ra các báo cáo tài chính.

Mỗi trường hợp tăng, giảm TSCĐ đều phải lập chứng từ kế toán bao gồm:

-Biên bản giao nhận TSCĐ: Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành công việc xây dựng, mua sắm, được cấp phát…đưa vào sử dụng tại đơn vị hoặc tài sản của đơn vị bàn giao cho đơn vị khác theo lệnh của cấp trên, theo hợp đồng.

Biên bản giao nhận TSCĐ được lập cho từng TSCĐ: Trường hợp giao nhận cùng một lúc nhiều tài sản cùng loại, cùng giá trị và cho cùng một đơn vị giao có thể lập chung một biên bản giao nhận TSCĐ.

-Biên bản thanh lý TSCĐ: Đây là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCĐ, làm căn cứ cho việc ghi giảm TSCĐ. Biên bản thanh lý TSCĐ do ban thanh lý

TSĐ lập và có đầy đủ chữ ký, họ tên của trưởng ban thanh lý, kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị.

-Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành: Xác nhận việc giao TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ sửa chữa và bên thực hiện việc sửa chữa. Đây là căn cứ ghi sổ kế toán và thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

-Biên bản đánh giá lại TSCĐ : xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan đến số chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ.

-Biên bản kiểm kê TSCĐ: nhằm xác nhận số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, thừa thiếu so với sổ kế toán. Trên cơ sở đó tăng cường quản lý TSCĐ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất ghi sổ kế toán số chênh lệch.

1.2.1.2 Các sổ sách sử dụng

-Sổ TSCĐ

-Sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng

-Thẻ TSCĐ

-Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Thực hiện tổng hợp thông tin theo dõi đối tượng chi tiết đối chiếu với kế toán tổng hợp để cung cấp thông tin cho các bộ phận có liên quan.

1.2.2 Hạch toán kế toán tổng hợp TSCĐ tại doanh nghiệp

1.2.2.1 Hạch toán tổng hợp tình hình tăng, giảm TSCĐ tại doanh nghiệp

*Tài khoản sử dụng

Sử dụng hai tài khoản chính là TK 211 và TK 214

-**Tài khoản 211**- TSCĐ hữu hình: Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá của toàn bộ TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hiện có, biến động tăng, giảm trong kỳ.

Kết cấu của TK 211:

Bên nợ: phản ánh các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (mua sắm, xây dựng …).

Bên có: phản ánh các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (thanh lý, nhượng bán…)

Dư nợ: phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có tại doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2 của TK 211:

TK 2111: nhà cửa vật kiến trúc

TK 2112: máy móc thiết bị

TK 2113: phương tiện vận tải truyền dẫn

TK 2114: thiết bị dụng cụ dùng cho quản lí

TK 2115: cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm

TK 2118: TSCĐHH khác

-Tài khoản 214- Hao mòn TSCĐ: tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn luỹ kế của các loại TSCĐ, bất động sản (BĐS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư vào những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, bất động sản đầu tư.

Kết cấuTK 214

Bên nợ: giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên có: giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư.

Số dư bên có: giá trị hao mòn luỹ kế của TSCĐ, BĐS đầu tư hiện có tại đơn vị.

Tài khoản 214 có các tài khoản cấp 2 sau:

TK 2141: hao mòn TSCĐHH

TK 2142: hao mòn TSCĐ thuê tài chính

TK 2143: hao mòn TSCĐ vô hình

TK 2147: hao mòn bất động sản đầu tư

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như: TK 213, 111, 112, 331, 131, 411…

*Đối với TSCĐ thuê tài chính

-Bên cho thuê

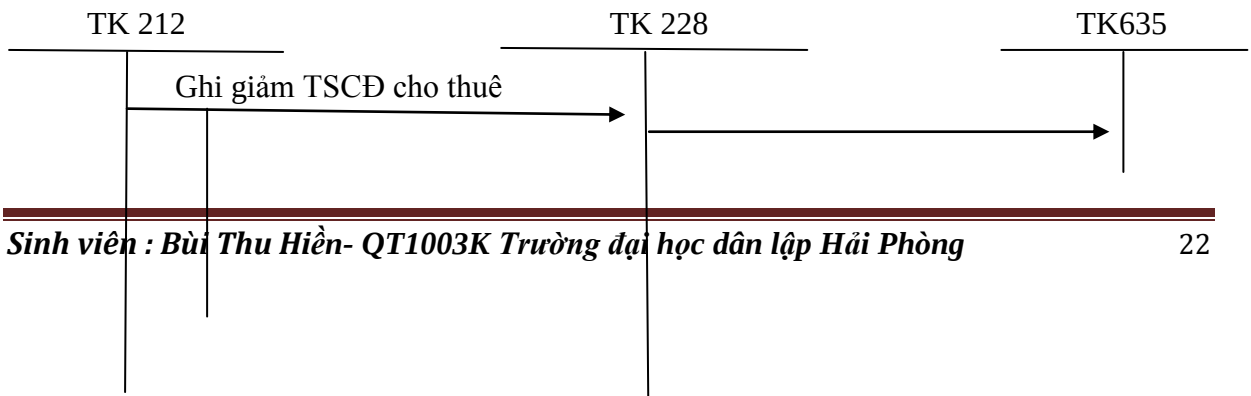

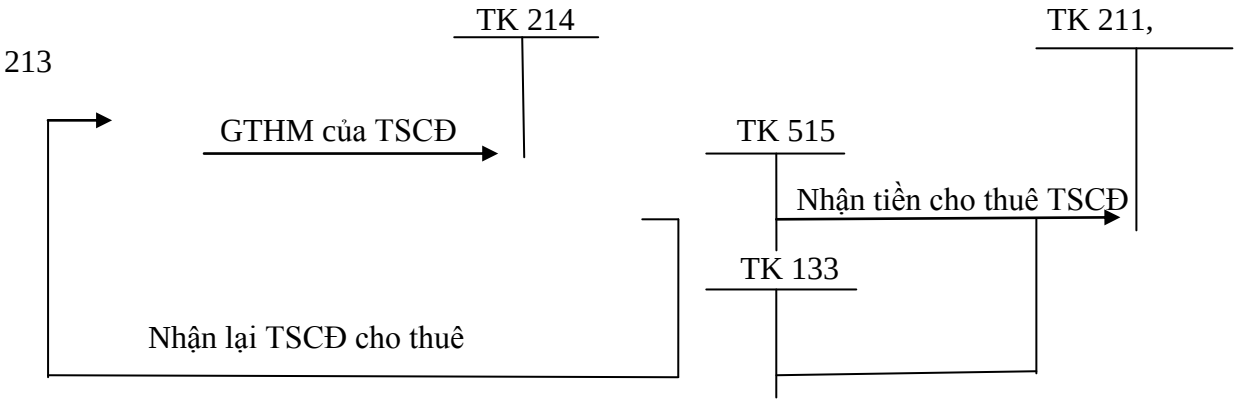

-Bên đi thuê

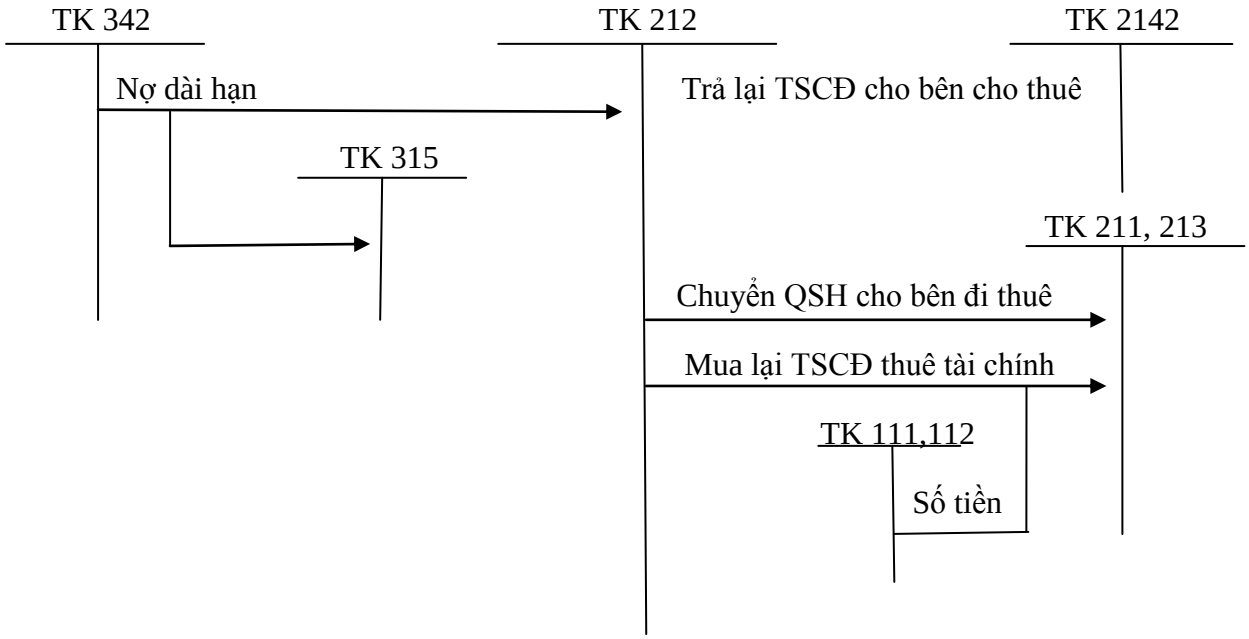

*Trình tự hạch toán tình hình tăng, giảm TSCĐ

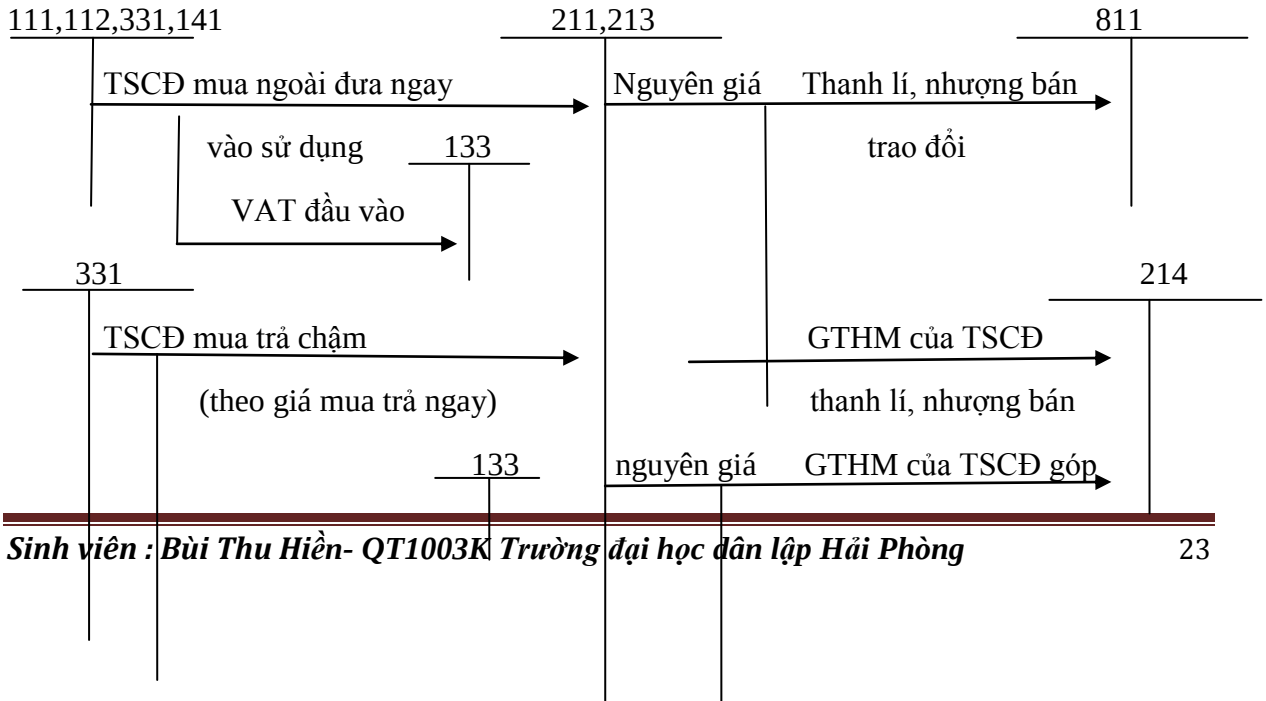

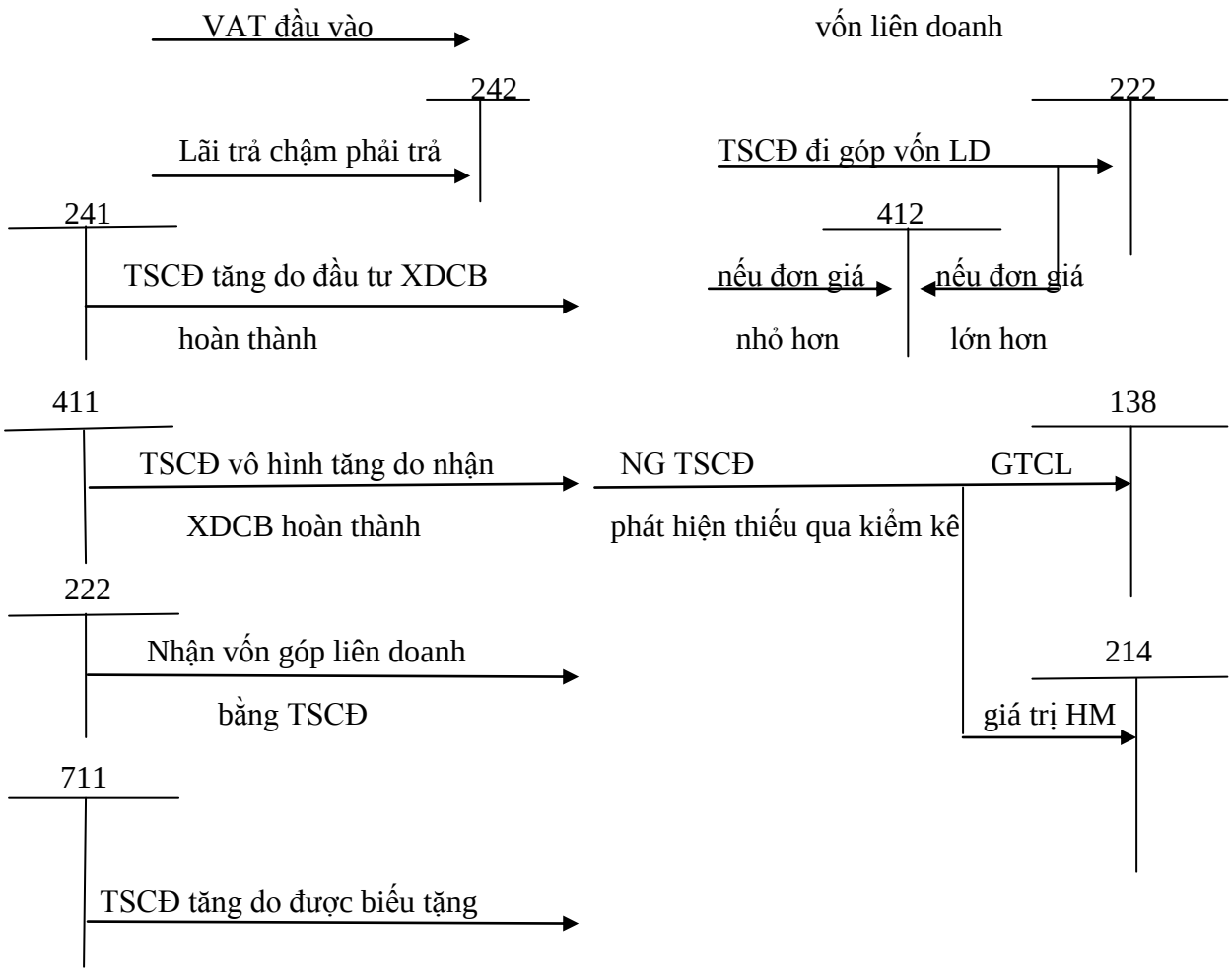

1.2.2.2 Hạch toán khấu hao TSCĐ tại doanh nghiệp

*Tài khoản sử dụng:

TK 2141 – hao mòn TSCĐ hữu hình: tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng , giảm giá trị hao mòn của toàn bộ TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ hữu hình và những khoản tăng giảm hao mòn khác của tài sản hữu hình.

*Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao, các chứng từ có liên quan khác.

*Nội dung và phương pháp phản ánh:

Hạch toán khấu hao TSCĐ là vô cùng quan trọng trong kế toán TSCĐ. Nhiệm vụ của phần này là tính toán và phân bổ vào các đối tượng sử dụng đảm bảo đầy đủ nguồn vốn để tái sản xuất, đồng thời xác định đúng để tính chi phí hạ giá thành sản phẩm.

Khấu hao TSCĐ được tính theo hàng tháng, xác định theo công thức:

Mức khấu hao của Tháng này giảm bớt = **Mức khấu hao của tháng trước** + **Mức khấu hao tăng thêm** - **Mức khấu giảm bớt**

$$\textbf{Mức khấu hao hàng tháng} = \frac{\textbf{Nguyên giá}}{\textbf{Số năm sử dụng} \times 12}$$

Do trích khấu hao hàng tháng liên quan đến nhiều đối tượng sử dụng nên doanh nghiệp lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ hàng tháng.

*Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp

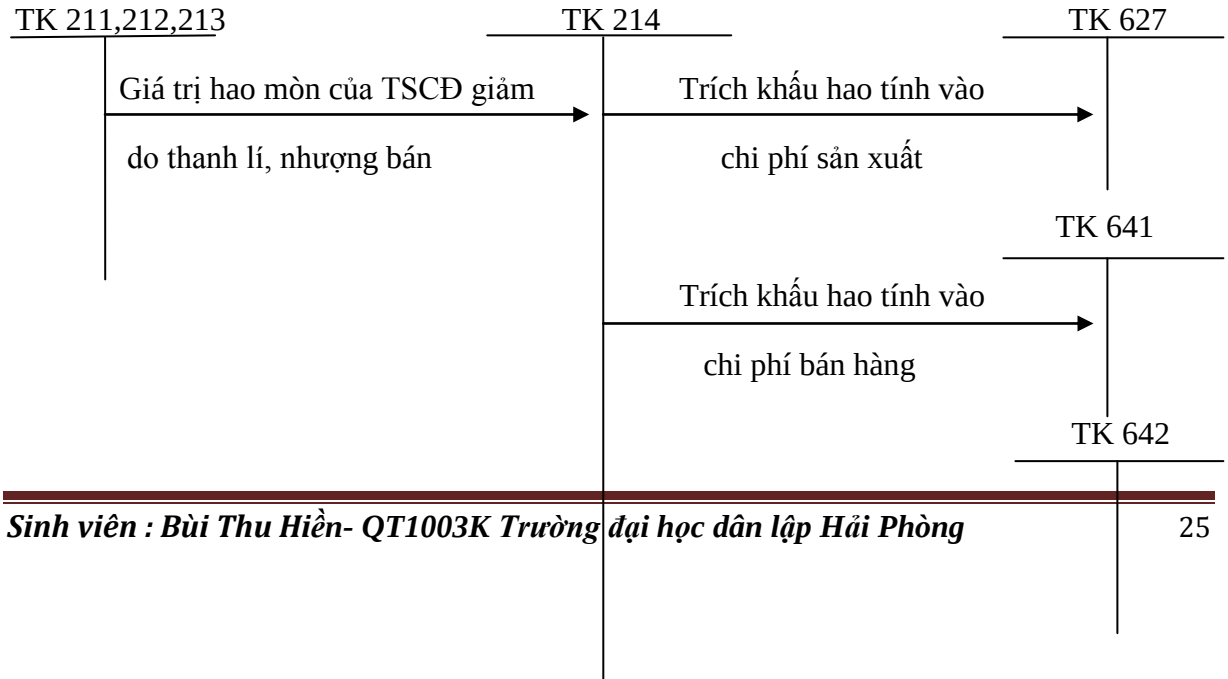

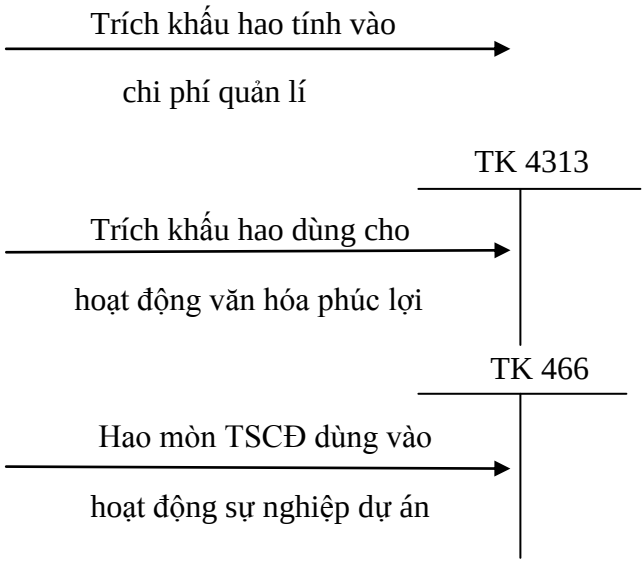

1.2.2.3 Hạch toán kế toán sửa chữa TSCĐ

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng , sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động, nhằm khôi phục năng lực hoạt động bình thường cho TSCĐ. Việc bảo dưỡng, sửa chữa có thể tự làm hoặc thuê ngoài và được tiến hành theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch.

1.2.2.3.1 Kế toán sửa chữa nhỏ TSCĐ.

Sửa chữa nhỏ là loại sửa chữa có đặc điểm, mức độ hư hỏng nhẹ nên kĩ thuật sửa chữa đơn giản, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện, thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa phát sinh ít nên được hạch toán toàn bộ một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng TSCĐ.

Khi sửa chữa nhỏ TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí sửa chữa thực tế phát sinh để phản ánh:

Nợ TK 627 - nếu TSCĐ cho hoạt động sản xuất

Nợ TK 641 - nếu TSCĐ cho hoạt động bán h àng

Nợ TK 642- nếu TSCĐ cho hoạt động QLKD

C ó TK 334,338,152- chi phí sửa chữa.

1.2.2.3.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có đặc điểm hư hỏng nặng nên kĩ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí sửa chữa phát sinh lớn nên không thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải sử dụng phương pháp phân bổ thích hợp.

Chứng từ kế toán để phản ánh công việc sửa chữa lớn hoàn thành là "biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành". Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành công việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

Tài khoản chuyên dùng để theo dõi chi phí sửa chữa lớn TSCĐ là TK 2413- sửa chữa lớn TSCĐ

*Sơ đồ hạch toán kế toán sửa chữa lớnTSCĐ

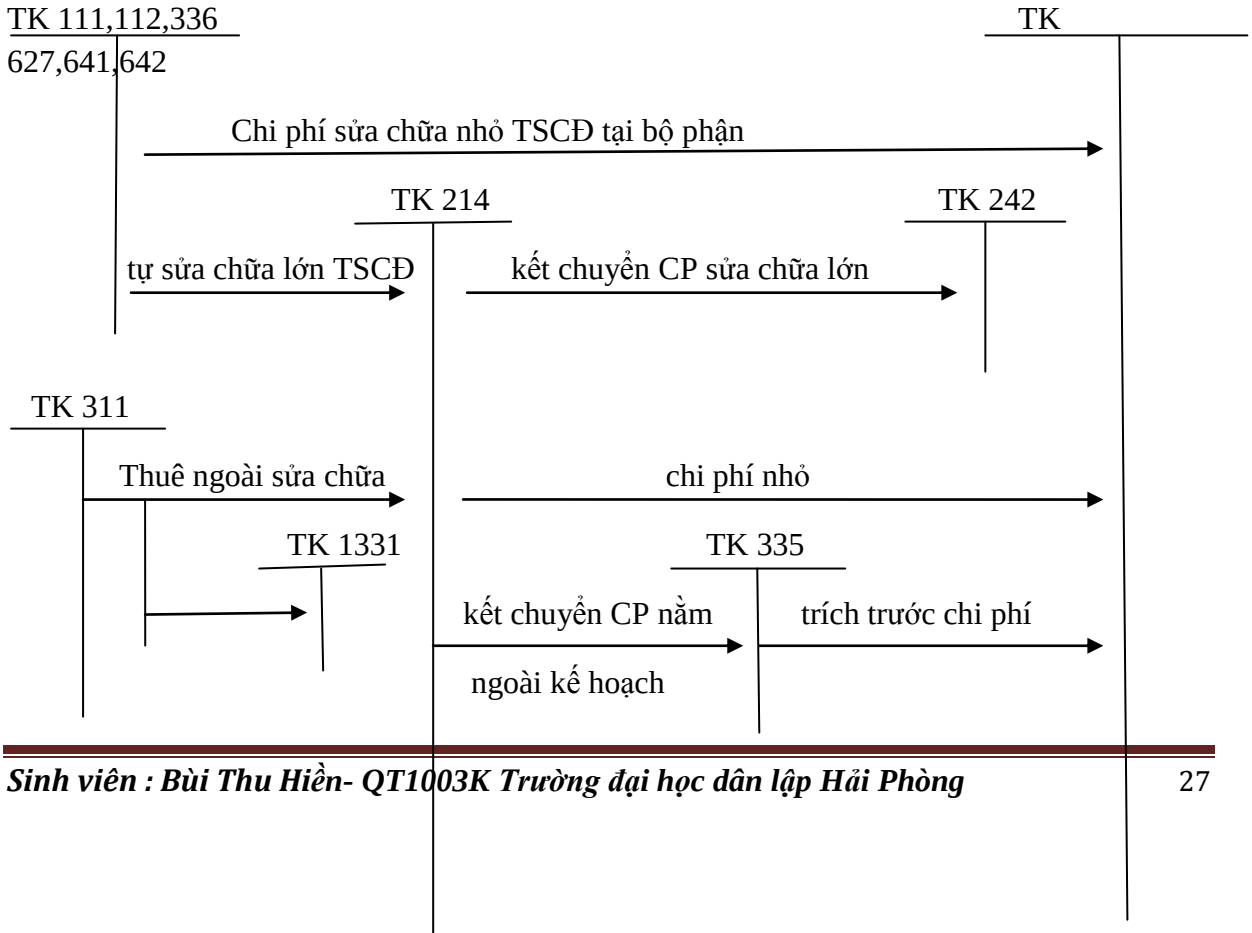

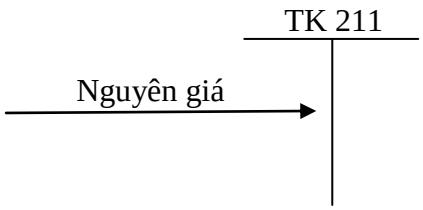

*Kế toán nâng cấp TSCĐ

Để nâng cao tính năng, tác dụng của TSCĐ cũng như kéo dài thời gian hữu dụng của TSCĐ thi doanh nghiệp thực hiện việc nâng cấp TSCĐ. Chi phí nâng cấp TSCĐ được tính vào giá trị của TSCĐ.

-Khi nâng cấp TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh để tập hợp:

Nợ TK 2412 – Xây dựng cơ bản

Có TK 334, 338,152, 111

-Sau đó khi xây dựng việc nâng cấp hoàn thành, căn cứ vào chi phí thực tế được duyệt tính vào giá trị của TSCĐ để ghi tăng nguyên giá.

Nợ TK 211

Có TK 2412

-Nếu việc nâng cấp được đài thọ từ các quỹ chuyên dung thì phải chuyển các quỹ này thành nguồn vốn kinh doanh.

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Nợ TK 441 - Nguồn vốn xây dựng cơ bản

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

1.2.3 Kế toán đánh giá lại TSCĐ

*Đánh giá lại TSCĐ nhằm đảm bảo giá trị của TSCĐ phù hợp với mặt bằng giá có sự tahy đổi lớn do tình hình lạm phát gây ra. Ngoài ra, việc đánh giá lại còn được thực hiện khi đem TSCĐ làm vốn góp liên doanh.

*Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng chứng từ kế toán là " Biên bản đánh giá lại TSCĐ ". Biên bản này xác nhận việc đánh giá lại do hội đồng đánh giá lập. Các thành viên hội đồng phải kí và ghi rõ họ tên vào biên bản.

*Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng TK 412 – Chênh lệch đánh giá lại tài sản

*Kết cấu của TK này như sau:

-Bên nợ: +chênh lệch giảm do đánh giá lại

+kết chuyển khoản chênh lệch tăng khi có quyết định xử lí

-Bên có: +chênh lệch tăng do đánh giá lại

+kết chuyển khoản chênh lệch giảm khi có quyết định xử lí

*Nội dung và phương pháp phản ánh:

(1) Khi đánh giá lại làm tăng nguyên giá TSCĐ thì khoản chênh lệch tăng thêm sẽ ghi:

Nợ TK 211, 213

Có TK 412

(2) Khi đánh giá lại làm giảm nguyên giá TSCĐ thì khoản chênh lệch giảm xuống sẽ được ghi:

Nợ TK 412

Có TK 211, 213

(3) Khi đánh giá lại có điều chỉnh cả giá trị hao mòn thì tuy từng trường hợp tăng, giảm mà phản ánh phù hợp.

-Nếu làm tăng giá trị hao mòn thì chênh lệch tăng sẽ ghi:

Nợ TK 412

Có TK 214

-Nếu làm giảm giá trị hao mòn thì chênh lệch giảm xuống sẽ ghi:

Nợ TK 214

Có TK 412

(4) Sau đó căn cứ vào quyết định xử lí chênh lệch kết chuyển vào các TK có liên quan.

1.2.4 Tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán

Kế toán phần mềm là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thông tin kế toán, nhằm biến đổi dữ liệu kế toán thành những thông tin kế toán đáp ứng yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin. Đó là một phần thuộc hệ thống thông tin quản lí doanh nghiệp, hệ thống thông tin kế toán dựa trên máy gồm đầy đủ các yếu tố cần có của một hệ thống thông tin kế toán hiện đại.

Khi sử dụng các phần mềm kế toán, các thông tin kế toán sẽ được tự động xử lí. Kế toán không còn phải thực hiện một cách thủ công một số khâu công việc như: ghi chép sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, tổng hợp số liệu báo cáo kế toán mà chỉ phải thực hiện các công việc phân loại, bổ sung thông tin chi tiết vào chứng từ gốc, nhập dữ liệu từ chứng từ vào máy, kiểm tra phân tích số liệu trên các sổ, báo cáo kế toán để có thể đưa ra quyết định phù hợp.

Như vậy, thực tế của việc áp dụng kế toán máy là việc nâng cao hiệu suất công tác kế toán dựa trên những thành tựu của máy vi tính và kĩ thuật tin học. Tuy nhiên, máy vi tính không thể thay thế con người và việc tổ chức kế toán trên máy vi tính tuy đã có những thay đổi cho phù hợp nhưng vẫn phải tuân theo những nguyên tắc của công tác kế toán trong điều kiện thủ công.

- Tùy từng phần mềm kế toán mỗi doanh nghiệp áp dụng mà trình tự cũng như thao tác mà kế toán cần thực hiện để tổ chức hạch toán TSCĐ cũng khác nhau. Nhưng nhìn chung, các bước để thực hiện kế toán TSCĐ trên máy vi tính được thể hiện thông qua sơ đồ sau:

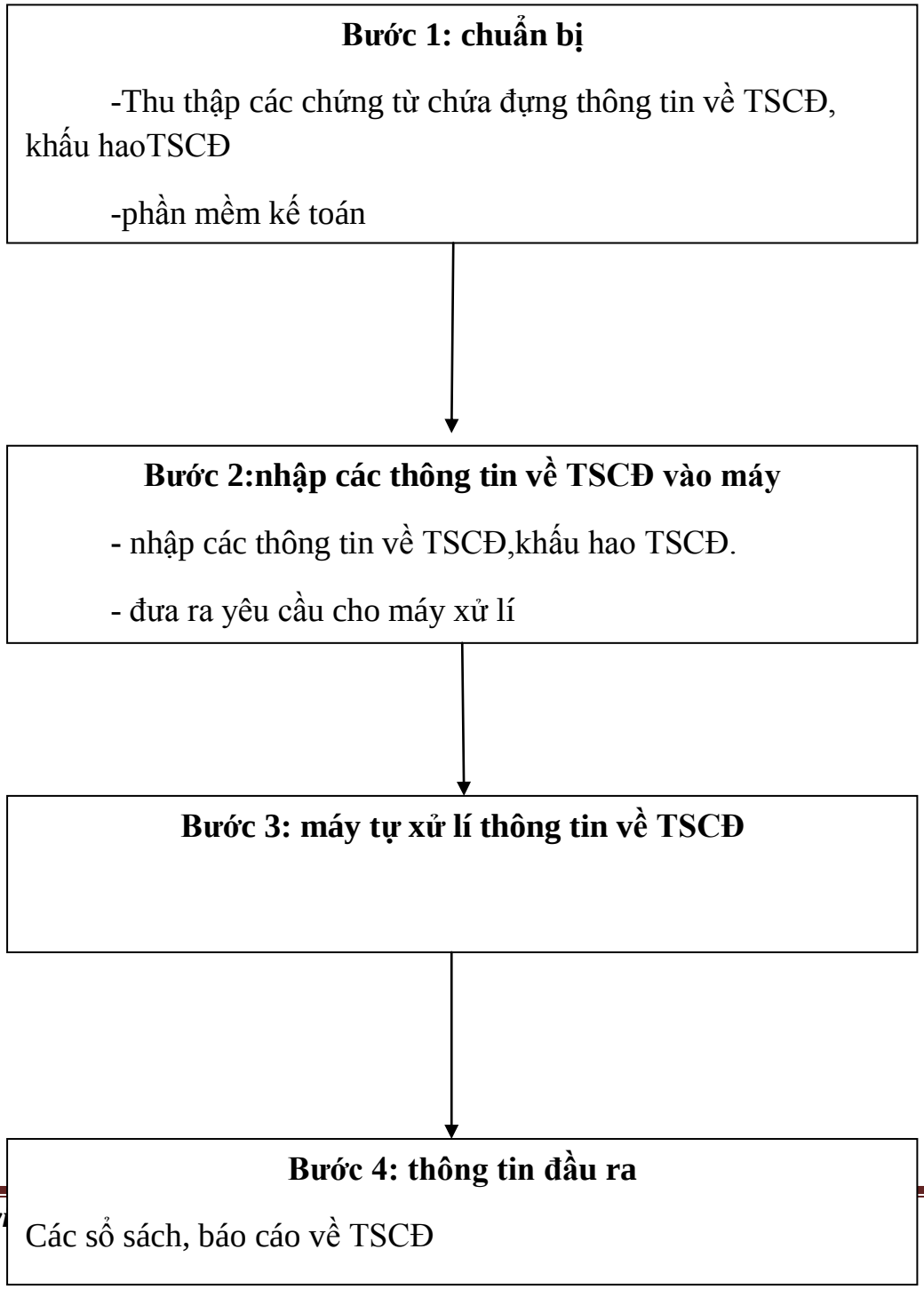
Bước 1: chuẩn bị
-Thu thập các chứng từ chứa đựng thông tin về TSCĐ, khấu haoTSCĐ
-phần mềm kế toán
Bước 2:nhập các thông tin về TSCĐ vào máy
- nhập các thông tin về TSCĐ,khấu hao TSCĐ.
- đưa ra yêu cầu cho máy xử lí
Bước 3: máy tự xử lí thông tin về TSCĐ
Bước 4: thông tin đầu ra
Các sổ sách, báo cáo về TSCĐ

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG (PTS)

2.1 Khái quát về công ty PTS

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng là đơn vị thành viên của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1705/2000/QĐ-BTM ngày 07 tháng 12 năm 2000 của Bộ Thương Mại trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiếp sửa chữa tàu Hồng Hà- một bộ phận trực thuộc công ty vận tải xăng dầu đương thủy I với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 8,1 tỷ đồng. Và được Sở kế hoạch Đầu thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000035 ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005.

Kể từ khi đi vào hoạt động, công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 6 lần, cuối năm 2004 công ty nâng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 11,6 tỷ. Vào ngày 09/11/2005 theo quyết định của ĐHĐCĐ công ty phát hành thêm cổ phần để nâng vốn điều lệ lên 17,4 tỷ đồng. Trong đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam có số cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ.Và lần tăng vốn điều lệ gần đây nhất là năm 2007 với số vốn là 34,8 tỷ

Với đặc thù là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận trực thuộc Công ty Vận tải xăng dầu đường thuỷ I- đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, nên công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng đã có những điều kiện thuận lợi nhất định ngày từ khi bắt đầu đi vào hoạt động.

Đó là sự kế thừa các thành tựu đã đạt được, những truyền thống lao động, bề dày kinh nghiệm và sự nhất quán, đoàn kết nội bộ trong sản xuất- kinh doanh. Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam và

được Tổng công ty tạo điều kiện giúp đỡ trong việc đầu tư kỹ thuật, vật chất và con người. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty được thừa hưởng thị trường vận tải xăng dầu bằng đường sông với đội tàu chở dầu lớn nhất phía Bắc do Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam chỉ định. Ngoài ra, với việc tiên phong trong lĩnh vực cổ phần hóa theo chủ trương chính sách cuả Đảng và Nhà nước, công ty cũng được hưởng nhiều ưu đãi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần làm giảm bớt khó khăn trong những năm đầu mới đi vào hoạt động theo mô hình mới.

Các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là: kinh doanh xăng dầu, và các sản phẩm hóa dầu; sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy; kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà. Trong đó, các lĩnh vực vận tải thủy, kinh doanh xăng dầu, sửa chữa cơ khí là những lĩnh vực kinh doanh truyền thống và chủ đạo của công ty.

Sau 5 năm cổ phần hóa (2001-2005), các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty đã phát triển ổn định và đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 15-17%/năm. Đội tàu sông chở dầu và hóa chất của công ty bao gồm 21 chiếc với tải trọng trên 1000m^3, chất lượng thỏa mãn các quy phạm đăng kiểm, được khách hàng trong và ngoài ngành đánh giá là đội tàu sông chở dâù hóa chất và hóa chất lớn nhất và có chất lượng phục vụ tốt nhất khu vực phía Bắc.

- **Thành tích khen thưởng trong những năm qua**:

- Từ ngày thành lập công ty: 27/12/2000 đến nay Công ty đều nhận được bằng khen của Bộ Thương mại, UBND Thành phố Hải Phòng. Đặc biệt trong năm 2004 Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

- Trong giai đoạn 2003-2005, doanh thu vận tải đường sông tăng lần lượt từ 17,425 tỷ vào năm 2003 lên 20,340 tỷ vào năm 2004 tương đương tăng 16% ; và tiếp tục tăng lên 29,332 tỷ đồng tương đương tăng 44,2% vào năm 2005. Hoạt động vận tải là một hoạt động chủ đạo và hiệu quả nhất của công ty trong nhiều năm qua. Hoạt động vận tải chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu và lợi nhuận của công ty: bình quân năm 2004-2005, doanh thu hoạt động vận tải chiếm tỷ trọng khoảng từ 30% đến 38%; nhưng đem lại lợi nhuận lớn chiếm tỷ

trọng khoảng từ 78%-88%. Trong hoạt động vận tải, căn cứ vào tình hình thực tế và để đảm bảo tốt yêu cầu của khách hàng, bên cạnh đội tàu hiện có, Công ty còn thuê ngoài một số phương tiện vận tải và hưởng mức chiết khấu 5% trên tổng doanh thu. Nếu loại trừ phần doanh thu nội bộ,doanh thu 2005 của công ty là 9940 triệu đồng so với mức 4652 triệu đồng của năm 2004 đạt mức tăng trưởng rất cao 113,67%. 6 tháng đầu năm 2006, doanh thu hoạt động đóng mới tàu là 6.415 triệu đồng tức là bằng 64,5% cả năm 2005, kết quả này hứa hẹn hoạt động sửa chữa đóng mới tàu năm 2006 sẽ có mức tăng trưởng cao so với năm 2005.

Tháng 1 năm 2005, thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 4, Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà trực thuộc công ty đã ra đời. Việc ra đời Xí nghiệp đánh dấu một bước tiến trong lĩnh vực hoạt động sửa chữa cơ khí của công ty. Nhờ đó,năng lực đóng mới phương tiện của công ty được nâng lên rõ rệt: từ chỗ chỉ đóng những con tàu pha sông biển 300 tấn đến nay đi đóng những phương tiện đến 1200 tấn, và đặc biệt năm 2003 công ty đã đóng được tàu chuyên dụng hút 4500 m^3/h được khách hàng đánh giá cao.

- Năm 2007, Công ty đã được Bộ Công thương và UBND Thành phố Hải Phòng tặng cờ thi đua xuất sắc.

- Năm 2008, Công ty được xếp hạng trong top 20 doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam và được nhận cúp vàng thương hiệu chứng khoán uy tín do các tổ chức bình chọn.

CTY CP VẬN TẢI VÀ DV PETROLIMEX HP

Mẫu số B 02a-DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 4 năm 2009

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	**66.420.134.448**	**43.198.577.646**	**216.086.611.672**	**160.279.276.396**
2.Các khoản giảm trừ	02		**0**	**0**	**0**	**0**
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	**66.420.134.448**	**43.198.577.646**	**216.086.611.672**	**160.279.276.396**
4.Giá vốn hàng bán	11		**57.916.881.133**	**34.439.162.101**	**194.670.861.003**	**137.004.510.791**
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**8.503.881.133**	**8.759.415.545**	**21.415.750.669**	**23.274.765.605**
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	**17.311.922**	**33.580.992**	**713.820.963**	**375.272.302**
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	**83.505.145**	**3.861.484.767**	**645.641.000**	**4.472.374.102**
Trong đó : Lãi vay phải trả	23		***229.601.145***	***215.710.776***	***797.419.791***	***826.288.556***
8.Chi phí bán hàng	24		**885.731.777**	**254.537.663**	**2.863.123.917**	**1.447.579.079**
9.Chi phí quản lí doanh nghiệp	25		**2.281.846.764**	**1.909.665.015**	**7.348.925.996**	**5.718.351.808**
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**5.269.481.551**	**2.767.309.092**	**11.262.880.719**	**12.011.732.918**
11.Thu nhập khác	31		**5.269.064**	**82.155.132**	**1.378.602.397**	**115.642.143**
12.Chi phí khác	33		**31.652.681**	**2.047.612**	**265.047.337**	**106.381.517**
13.Lợi nhuận khác	40		**-26.383.797**	**80.107.520**	**1.113.555.060**	**9.260.626**
14.Lãi(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45					
15.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**5.243.097.754**	**2.847.416.612**	**12.376.435.779**	**12.020.993.544**
16.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	**220.260.283**	**176.756.490**	**742.546.437**	**1.102.993.544**
17.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	**0**	**-255.985.573**	**0**	**-255.985.573**
18.Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		**5.022.837.471**	**2.926.645.695**	**11.633.979.342**	**11.174.632.944**
19.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			**0**		
20.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		**5.022.837.471**	**2.926.645.695**	**11.633.979.342**	**11.174.632.944**
21.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		**1.443**	**841**	**3.343**	**3.211**

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty PTS

Công ty PTS Hải Phòng là một doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau và có chức năng chủ yếu sau:

- Kinh doanh vận tải thủy, kinh doanh xăng dầu, và các sản phẩm hóa dầu
- Sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy, sản xuất cơ khí.
- Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị hàng hóa khác.
- Dịch vụ hàng hải và các dịch vụ thương mại
- Kinh doanh, đại lý khí hóa lỏng
- Nạo vét luồng lạch, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh vật tư xây dựng, môi giới, dịch vụ nhà đất.
- Vận tải hành khách đường thủy và đường bộ
- Kinh doanh dịch vụ cảng biển
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng, kinh doanh kho bãi.

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty PTS

- **Thuận lợi**:

Công ty đã nhận được sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ của Uỷ ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành thành phố và đặc biệt là Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Sự đoàn kết nhất trí cao của người lao động dưới sự lãnh đạo của đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty. Những thuận lợi cơ bản này đã giúp công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng kinh doanh trong năm 2009 vừa qua.

- **Khó khăn**:

Sự cạnh tranh gay gắt trong cơ chế thị trường, sự biến động tăng bất thường của giá vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, nhất là tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lí tại công ty PTS

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty:

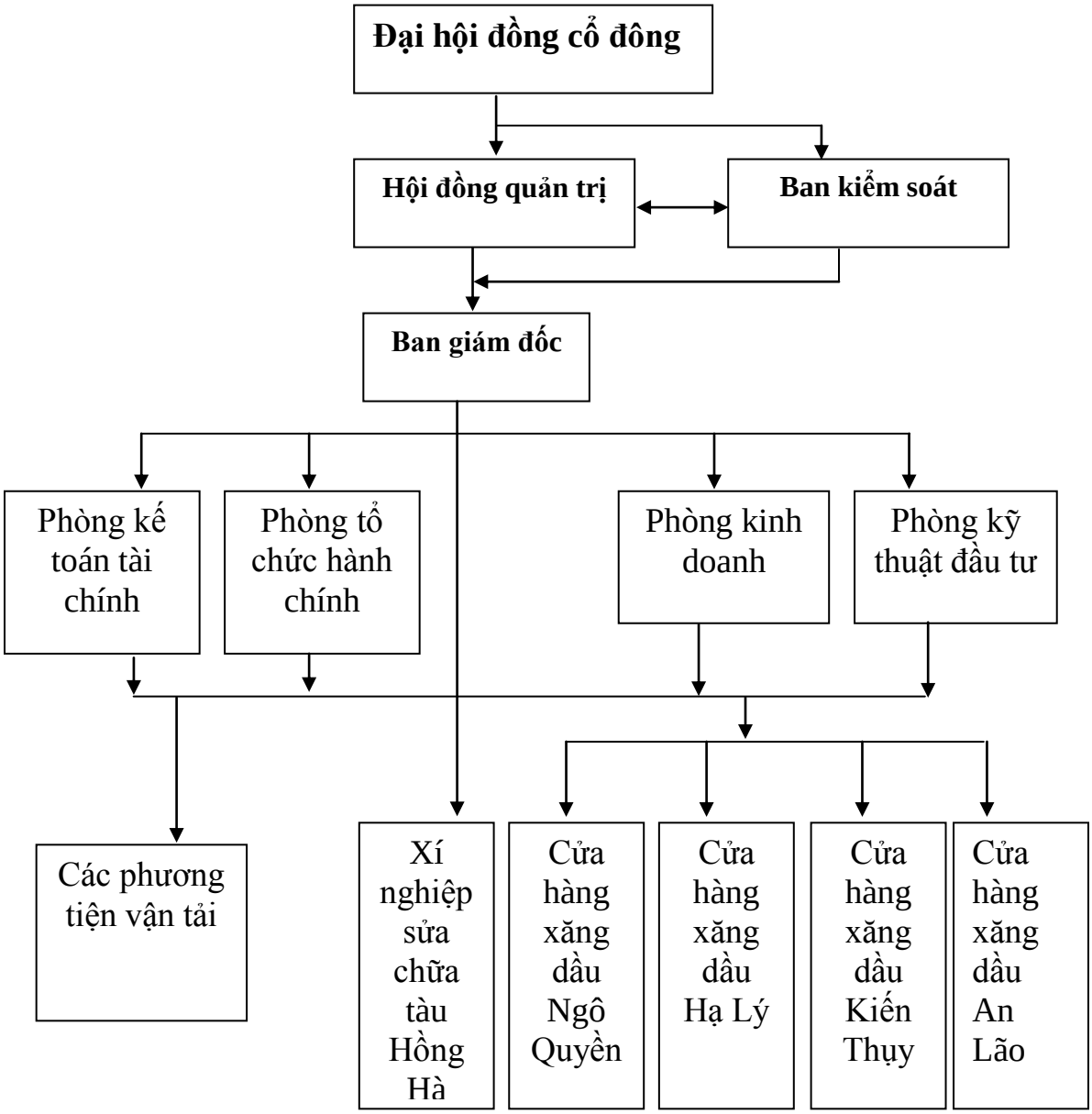

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ như: Thông qua định hướng phát triển công ty, quyết định loại và tổng số cổ phần, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ…

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên có nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên cùng có nhiệm kỳ như nhiệm kỳ của HĐQT. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Giám đốc công ty:

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty trong mọi giao dịch. Theo quy định tại Điều lệ công ty, Giám đốc có các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 33 của Điều lệ công ty.

Phòng kế toán tài chính:

Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán- tài chính hiện hành. Phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thường xuyên cung cấp cho giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Lập kế hoạch về vốn và đạo tạo cho các hoạt động kinh doanh.

Phòng tổ chức hành chính:

Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Xây dựng cơ chế hợp lý cho cán bộ công nhân viên với mục đích khuyến khích người lao động và kiểm tra xử lý những trường hợp bất hợp lý, có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khoẻ an toàn lao động.

Phòng kinh doanh:

Tham mưu và giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, tổ chức kinh doanh các mặt hàng đã sản xuất, khai thác kinh doanh các mặt hàng khác (nếu có) có thể vận dụng cơ sở vật chất, thị trường hiện có. Tạo nguồn hàng điều chỉnh các khâu xuất nhập hàng hoá đến các đại lý, các khách hàng, quản lý hàng xuất nhập, hoá đơn chứng từ, hệ thống sổ sách theo dõi thống kê báo cáo ... Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng hoá hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

Phòng kỹ thuật đầu tư:

Tham mưu và giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng các kế hoạch khoa học kỹ thuật và môi trường, xây dựng và quản lý định mức vật tư, quản lý tốt công nghệ sản xuất và công tác quản lý thiết bị.

Các phương tiện vận tải, cửa hàng:

Tổ chức sản xuất và bán hàng theo kế hoạch đề ra, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực để sản xuất kinh doanh theo đúng tiến độ mà doanh nghiệp đặt ra.

2.1.5 Công tác kế toán tại công ty PTS

2.1.5.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty

* Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng có 01 đơn vị trực thuộc là xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà. Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý của công ty, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức

phân tán. Hiện nay phòng kế toán tài chính của công ty có 5 người. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán công ty như sau:

Sơ đồ bộ máy kế toán:

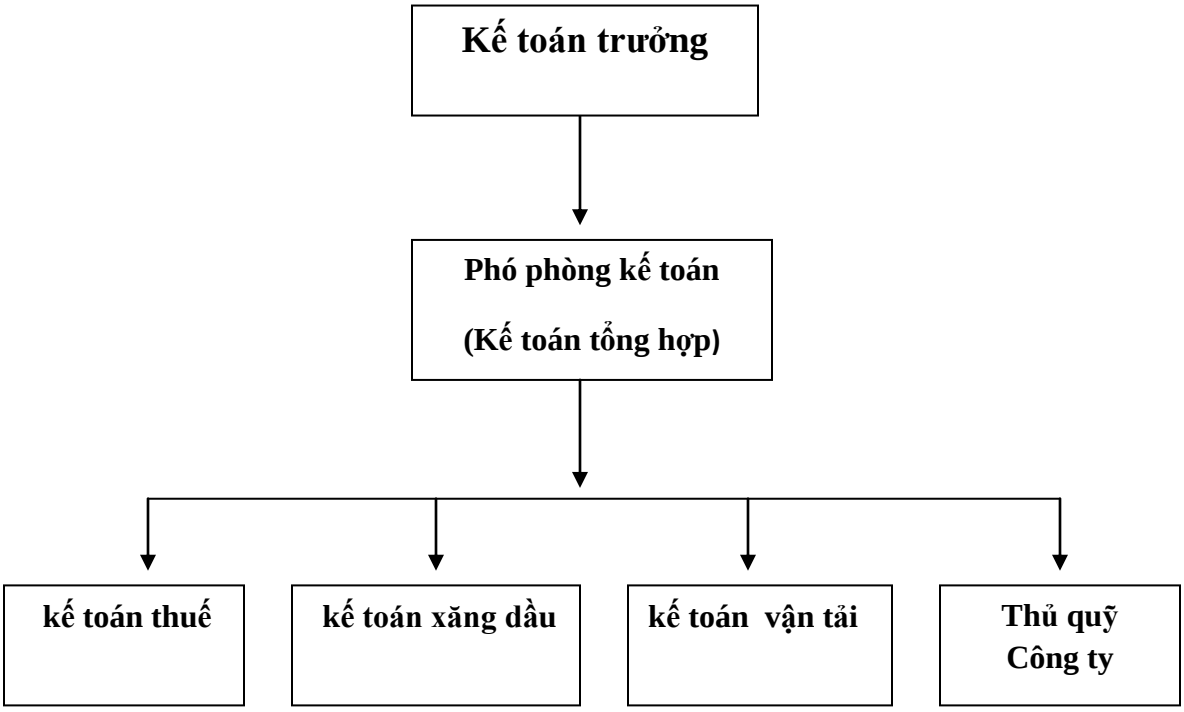

Chức năng nhiệm vụ của từng thành viên trong bộ máy kế toán:

Kế toán trưởng:

* Báo cáo: Giám đốc công ty.

* Trách nhiệm:

- Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của Bộ tài chính và hướng dẫn của công ty.
- Lập kế hoạch và báo cáo giám đốcthường xuyên tình hình chi tiêu tại công ty.
- Trên cơ sở báo cáo định kỳ của tất cả các đơn vị trong công ty có trách nhiệm kiểm tra, quyết toán, báo cáo kịp thời những vấn đề bất thường và tham mưu biện pháp sử lý.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo hạch toán kế toám, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của HĐQT.
- Chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng tài chính kế toán phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của phòng.
- Thiết lập các mục tiêu định kỳ và kế hoạch thực hiện của phòng liên quan đến nghiệp vụ kế toán, hướng dẫn các nhân viên trong phòng thực hiện theo.
- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính tổng hợp hàng năm(theo quy định của HĐQT) trình duyệt giám đốcCông ty trên cơ sở tổng hợp kế hoạch chi tiết của các đơn vị, phòng ban.

*Quyền hạn:

- Duyệt chi các khoản thanh toán các phòng ban, đơn vị đã được người có thẩm quyền phê duyệt.

- Đề xuất hình thức xử lý kỉ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền khi vi phạm kỉ luật lao động và nội quy quy định của công ty theo đúng trình tự quy định của pháp luật và của công ty.

- Có quyền tạm đình chỉ đối với cán bộ công nhân dưới quyền khi có hành vi vi phạm nghiêm trọng nội quy định của công ty theo quy định tại quy trình phân quyền

- Có quyền từ chối thanh quyết toán đối với các hồ sơ không phù hợp với quy định-

Phó phòng kế toán:

- Kiểm tra số liệu chi tiết, lập báo cáo tổng hợp tài chính, kiểm kê theo quy định và mục tiêu của phòng đề ra.
- Chịu trách nhiệm theo dõi toàn bộ quá trình trong lĩnh vực kinh doanh xây dựng nhà để bán bao gồm: Doanh thu, chi phí, công nợ khách hàng.
- Chịu trách nhiệm theo dõi nguồn vốn của công ty.

- Chịu trách nhiệm bảo quản các thiết bị văn phòng, công cụ trong quá trình làm việc. Bảo quản lưu giữ, phân loại hồ sơ, chứng từ thuộc phạm vi quản lý theo đúng yêu cầu luật định và quy trình kiểm soát hồ sơ.
- Các trách nhiệm khác do trưởng phòng phân công.
- Có quyền ký thay kế toán trưởng ngoài nhiệm vụ được phân công khi kế toán trưởng đi vắng.

Nhân viên kế toán thuế:

- Kế toán tiền mặt:
    1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ. Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
    2. Cập nhật, theo dõi,báo cáo thường xuyên tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt.
    3. Cùng thủ quỹ lập biên bản kiểm kê tiền mặt hàng tuần.
    4. Lập bảng kê, nhật ký chứng từ tiền mặt theo quy định.
- Chịu trách nhiệm quản lý công nợ tạm ứng nội bộ công ty
- Kế toán các khoản đầu tư xây dựng cơ bản

Nhân viên kế toán xăng dầu:

- Kế toán tiền gửi ngân hàng:

    1. Cập nhật, theo dõi, báo cáo thường xuyên tình hình thu chi tiền gửi ngân hàng.
    2. Theo dõi số dư tiền gửi ngân hàng để đề xuất kế hoạch chuyển tiền.
    3. Thường xuyên báo cáo số liệu khách hàng trả tiền cho phòng kinh doanh và các cửa hàng xăng dầu(ít nhất 1 lần/ngày).

- Kế toán tiền vay:

    1. Chịu trách nhiệm cập nhật, theo dõi các khoản tiền vay và kế hoạch trả nợ gốc(đáo hạn) và lãi hàng tháng.
    2. Báo cáo kế hoạch trả nợ ngân hàng(trước 1 tuần).

3. Hạch toán, mở sổ theo dõi các khoản vay theo quy định chung và quy định của phòng.

- Kế toán xăng dầu:

1. Kiểm tra, cập nhật theo dõi các khoản chi phí phát sinh liên quan đến kinh doanh xăng dầu hàng tháng theo đúng quy định.
2. Kiểm tra, theo dõi, lập sổ sách chi tiết, quyết toán, hạch toán về doanh thu, chi phí và công nợ về kinh doanh xăng dầu.

Thủ quỹ công ty:

- Thủ quỹ:

1. Chịu trách nhiệm thu tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị(công trái, cổ phiếu, trái phiếu, vàng, bạc, đá quý…) và chi tiền theo chứng từ thu chi hợp lệ đã được phê duyệt.
2. Hàng ngày kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu sổ quỹ tiền mặt với tài khoản tiền mặt của kế toán thanh toán.

- Y tế:

1. Chịu trách nhiệm dự trù, mua, theo dõi cấp phát thuốc y tế cho cán bộ công nhân viên trong công ty.
2. Nhận và phát thẻ khám chữa bệnh cho CBCNV.
3. Quản lý sổ khám sức khoẻ định kỳ.

Nhân viên kế toán vận tải:

- Kế toán khối vận tải:

1. Hàng tháng tính toán thanh toán cho khối vận tải trên cơ sở quy định định mức đã ban hành, lập sổ sách theo dõi công nợ cho từng đối tượng.
2. Kiểm tra theo dõi hạch toán các khoản doanh thu, chi phí của khối vận tải.

3. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vận tải tháng, quý, năm chi tiết cho từng đối tượng.

- Kế toán vật tư:

1. Chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hoá đơn và phiếu nhập, phiếu xuất.
2. Lập bảng bảng phân bổ nguyên vật liệu và bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn vật tư.

2.1.5.2. Hình thức kế toán, chính sách và các phương pháp áp dụng tại PTS

Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty được áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp : kê khai thường xuyên.

Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hệ thống báo cáo tài chính: + Bảng cân đối kế toán
  + Báo cáo kết quả kinh doanh
  + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
  + Thuyết minh báo cáo tài chính
- Hệ thống sổ của công ty:

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế công ty áp dụng hệ thống phần mềm kế toán VACOM theo hình thức nhật ký chung

Quy trình hạch toán:

Quy trình luân chuyển chứng từ trong phòng kế toán tài chính như sau:

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ban giám đốc phê duyệt, các kế toán viên theo nhiệm vụ được phân công xử lý nhập số liệu vào máy .Chương trình phần mềm kế toán sẽ tự động chạy vào các sổ sách liên quan theo lập trình đã được định sẵn.

Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển. Từ đó lập nên các báo cáo tài chính

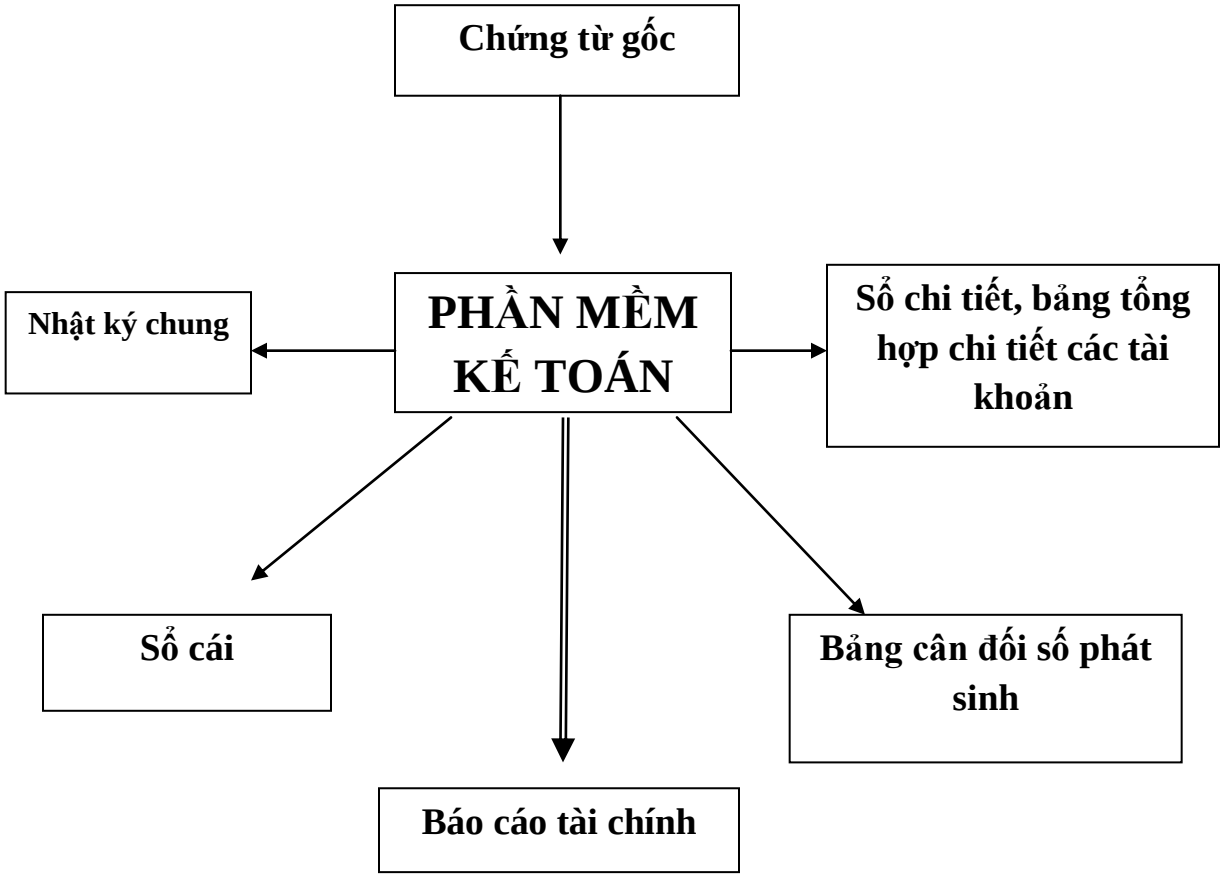

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC

2.2 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty PTS

2.2.1 Đặc điểm, phân loại TSCĐ của công ty PTS

Với đặc thù là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận trực thuộc Công ty Vận tải xăng dầu đường thuỷ I- đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, nên công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải

Phòng đã có những điều kiện thuận lợi nhất định ngày từ khi bắt đầu đi vào hoạt động.

Trong những năm qua, bên cạnh sự kế thừa các thành tựu đã đạt được, công ty PTS đã không ngừng lớn mạnh, khẳng định vị trí quan trọng của mình trong nền kinh tế. Do ngành nghề kinh doanh chủ yếu của PTS là vận tải nên cơ sở vật chất chủ yếu là TSCĐ chiếm tỉ trọng lớn. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho.

Với một khối lượng TSCĐ lớn, công ty PTS đã tiến hành phân loại TSCĐ phù hợp với đặc điểm và tổ chức kinh doanh của đơn vị mình theo kết cấu:

-Nhà cửa vật kiến trúc : 9.736.286.152

-Máy móc, thiết bị : 128.899.135

-Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 37.500.460.590

-Thiết bị quản lí : 595.186.845

-TSCĐ khác :164.258.676

Qua số liệu trên cho thấy TSCĐ của công ty có số giá trị lớn, cách phân loại rõ ràng cho việc thống kê, quản lí TSCĐ.

2.2.2 Đánh giá TSCĐ hữu hình

Để xác định chính xác giá của TSCĐ, công ty tiến hành đánh giá TSCĐ ngay khi đưa vào sử dụng. Tùy theo từng loại TSCĐmà công ty có cách đánh giá thích hợp. Việc đánh giá tại công ty được thực hiện như sau:

Nguyên giá TSCĐ	=	**Giá mua TSCĐ theo hóa đơn**	+	**Chi phí vận chuyển lắp đặt, chạy thử**	+	**Thuế (nếu có)**

Việc tính giá TSCĐ tại công ty PTS được thực hiện trên các hóa đơn GTGT, các chứng từ liên quan đến nguyên nhân dẫn đến làm tăng nguyên giá TSCĐ. Để chứng minh rõ hơn về cách tính nguyên giá TSCĐ tại công ty PTS em đưa ra vi dụ sau :

Ví dụ: do nhu cầu phòng kế toán trưởng cần một bộ bàn ghế cột nhỏ theo hóa đơn GTGT ngày 22/10/2009, trị giá theo hóa đơn GTGT (chưa bao gồm cả thuế GTGT 10%) là 38.000.000. Kế toán xác định nguyên giá TSCĐ như sau:

Nguyên giá TSCĐ của bộ bàn ghế cột nhỏ = 38.000.000

-Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần và giá trị của TSCĐ được dịch chuyển dần vào giá trị sản phẩm,TSCĐ hư hỏng dần tạo ra giá trị hao mòn. Do đó trong quá trình quản lí và sử dụng TSCĐ bên cạnh việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá, công ty còn xác định giá trị còn lại của TSCĐ. Để xác định giá trị còn lại của TSCĐ công ty sử dụng công thức:

Giá trị còn lại của TSCĐ = **nguyên giá của TSCĐ** - **giá trị hao mòn của TSCĐ**

Ví dụ: Ngày 28/10/2009 công ty PTS mua cây cảnh trị giá 22 600 000 chưa thuế VAT 10%, thời gian khấu hao 10 năm.

Trích khấu hao tháng 10 và tháng 11= 22 600 000:(10×12)×2=376 666

Giá trị còn lại của TSCĐ = 22 600 000- 376 666=22 223 334

Như vậy tất cả TSCĐ hiện có của công ty PTS đều được theo dõi đầy đủ và chặt chẽ. Chính vì vậy công tác hạch toán TSCĐ ở công ty luôn đảm bảo tính nhất quán, chính xác giữa các số liệu thực tế và số liệu ghi trên sổ sách, chứng từ.

2.2.3 Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

2.2.3.1 Kế toán chi tiết về tình hình tăng, giảm TSCĐ tại công ty

Trong quá trình hoạt động, TSCĐ của công ty luôn luôn biến động. Để phản ánh chặt chẽ mọi biến động của TSCĐ trước hết phòng tổ chức sản xuất kiểm tra tình trạng kĩ thuật, năng lực hoạt động của tài sản, nghiệm thu và lập biên bản

bàn giao TSCĐ, lập hồ sơ tăng, giảm TSCĐ. Sau đó gửi hồ sơ TSCĐ cùng các chứng từ, hóa đơn liên quan về phòng Tài chính – Kế toán. Phòng Tài chính – Kế toán căn cứ vào đó để hạch toán chi tiết và tổng hợp TSCĐ.

Quy trình mua sắm, thanh lí, nhượng bán TSCĐ

Trách nhiệm	Trình tự công việc
Các đơn vị	-Đề nghị mua, Giám đốc duyệt
Phòng vật tư và các đơn vị liên quan	-Mua theo duyệt, làm đầy đủ các thủ tục và có biên bản bàn giao cho người đề nghị(có biên bản giao nhận kèm theo)
Phòng Tài chính – Kế toán	-Thanh toán theo đề nghị hoặc theo hợp đồng , hóa đơn…
	-Nhượng bán hoặc thanh lí TSCĐ khi đã khấu hao hết.

*Mua sắm TSCĐ :

- Đơn vị căn cứ vào kế hoạch công tác năm và nhu cầu sử dụng làm đề nghi trình Giám đốc duyệt.

- Thủ tục mua : Đơn vị mua kí hợp đồng với bên bán hang gồm các nội dung: tên mặt hàng, chủng loại, xuất xứ, số lượng, chất lượng, đơn giá, thành tiền, hình thức và điều kiện thanh toán.

*Khi đơn vị nhận TSCĐ tiến hành các thủ tục:

- Biên bản giao nhận TSCĐ

-Hóa đơn GTGT

-Biên bản nghiệm thu, bàn giao có các chữ kí xác nhận của các thành phần: Giám đốc, phòng Kĩ thuật, đơn vị sử dụng TSCĐ, phòng Tài chính – Kế toán.

-Biên bản thanh lí hợp đồng với bên cung cấp.

-Phòng Tài chính – Kế toán lưu toàn bộ hồ sơ của TSCĐ đó vào thẻ tài sản.

Ví dụ minh họa: ngày 26/11/2009 công ty mua mới 35 máy điều hòa của công ty TNHH, TM&DV XNK Trọng Tiến lắp đặt cho tòa nhà văn phòng mới.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 0069-2009/HĐKT/TT

-căn cứ pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 5/9/1989 của hội đồng nhà nước ban hành.

-căn cứ Nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng bộ trưởng hướng dẫn thi hành pháp lệnh HĐKT

-căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Hôm nay ngày 22/07/2009

Tham gia kí hợp đồng gồm có đại diện của 2 bên:

BÊN MUA HÀNG : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Địa chỉ : số 61 (số 16) đường Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại : 0313.837.441

Đại diện : **Ông Nguyễn Văn Hùng** Chức vụ: Tổng giám đốc

Mã số thuế : 0200412699

Số tài khoản : 2087040011865- Tại Ngân hàng TM CP Xăng dầu PETROLIMEX – CNHP

(sau đây gọi tắt là bên A)

BÊN BÁN HÀNG : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XNK TRỌNG TIẾN

Địa chỉ : 143 Lương Khánh Thiện – Hải Phòng

Điện thoại : 0313.592621

Đại diện : **Bà Nguyễn Thị Tiến** Chức vụ : Giám đốc công ty

Mã số thuế :0200468564

Tài khoản :0031000923943- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN-CNHP

(sau đây gọi tắt là bên B)

CÁC ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG

Hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận và thống nhất kí kết hợp đồng kinh tế số 0069-2009/HĐKT-TT-về việc cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống máy điều hòa không khí với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên B nhận cung cấp thi công và lắp đặt hệ thống náy ĐHKK cho công trình: công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, cụ thể như sau:

Tên sản phẩm		**C.suất lạnh**	**Số lượng**		**Đơn giá**	**Thành tiền (VNĐ)**
		Btu/h	**SL**	**ĐV**		
1	**ĐHNĐ DAKIN loại treo tường, 2 cục 1 chiều Nhật Bản sx tại Thái Lan**					
-	Model:FTE25FVM/RE25JV1	9.000	2	Bộ	10.397.000	20.794.000
-	Model:FTE35FVM/RE35JV1	12000	31	Bộ	12.396.000	384.276.000
-	Model:FT50FVM/RE50BV1	18000	2	Bộ	19.136.000	38.272.000
2	Thuê dàn giáo+ vận chuyển					1.500.000

	Cộng	**444.842.000**
	Thuế VAT 10%	44.484.200
	Tổng cộng	**489.326.200**

**Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng.*

**Giá trên đã bao gồm vật tư, nhân công lắp đặt máy điều hòa*

***Chế độ bảo hành**: *04 năm máy nén, 01 năm toàn bộ máy*.

Điều 2: Giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán:

2.1 Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là : 489.326.200 (*Bốn trăm tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng).*

(*trong trường hợp có sự thay đổi công suất thiết bị máy ĐH thì giá trị hợp đồng sẽ được thay đổi)*

2.2 Hình thức thực hiện hợp đồng*: trọn gói*

2.3 Phương thức thanh toán: *chuyển khoản*

Đợt 1: Ngay sau khi kí hợp đồng bên A đặt cọc cho bên B 30% giá trị hợp đồng tương đương: 146.797.860 (*một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chin mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi đồng)*

Đợt 2: Ngay sau khi bên B đưa thiết bị vào lắp đặt hoàn chỉnh, chạy thử máy, bàn giao công trình và làm biên bản nghiệm thu thiết bị cho bên A. Bên A sẽ thanh toán tiếp cho bên B 65% giá trị hợp đồng tương đương: 318.062.030 (*ba trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn không trăm ba mươi đồng)*

Đợt 3: Bên A thanh toán 5% giá trị còn lại của hợp đồng cho bên B sau 01 năm bảo hành, kể từ khi bên B lắp đặt hoàn chỉnh, chạy thử máy và làm biên bản bàn giao cho bên A.

Điều 3: Tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành công việc.

3.1 Thời hạn thực hiện hợp đồng: 60 ngày (02 tháng), kể từ ngày kí kết.

3.2 Hợp đồng được kéo dài thời gian hoàn thành trong các trường hợp sau:

-Do thiên tai, lũ lụt, bão gió, mất điện và các điều kiện khách quan khác mà không phải do bên B gây ra

Điều 4: Trách nhiệm của các bên:

Trách nhiệm của bên A:

-Giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho bên B trong thời gian lắp đặt hệ thống điều hòa không khí theo hợp đồng này.

-Hợp tác cùng với bên B khi làm nghiệm thu.

-Có trách nhiệm thanh toán tiền cho bên B như trong điều 2 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B:

-Bên B có trách nhiệm cung cấp và lắp đặt hoàn chỉnh, đầy đủ số lượng thiết bị như trong Hợp đồng

-Bàn giao nghiệm thu và chạy thử máy cùng với bên A>

Điều 5: Điều khoản chung.

-Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên nếu có vấn đề khúc mắc phát sinh thì hai bên cùng bàn bạc và giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu không thỏa thuận được thì đưa ra tòa án kinh tế phán quyết, mọi chi phí do bên có lỗi chịu.

-Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng việt. Mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lí như nhau.

-Hai bên cùng nhất trí, kí tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A (mua hàng)	ĐẠI DIỆN BÊN B (bán hàng)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Bà Nguyễn Thị Tiến
(đã kí)	(đã kí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 11 năm 2009

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU LẮP ĐẶT THIẾT BỊ

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG VĂN PHÒNG LÀM VIỆC

1.Thiết bị được nghiệm thu:

-Máy điều hòa nhiệt độ DAKIN, loại treo tường, 2 cục 1 chiều.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a/Phòng Đầu tư- kinh doanh bất động sản

- Ông :Nguyễn Đình Tước Chức vụ: Trưởng phòng

-Ông : Vũ Văn Minh Chức vụ: Nhân viên kĩ thuật

b/Phòng Tài chính- Kế toán

-Bà Phạm Thị Hạnh Chức vụ:Nhân viên

c/Đơn vị thi công

-Ông Phạm Thành Công Chức vụ: Đội trưởng

3. Thời gian nghiệm thu;

Bắt đầu: 8h30 ngày 10 tháng 11 năm 2009

Kết thúc: 10h ngày 10 tháng 11 năm 2009

Tại : Mặt bằng nhà văn phòng làm việc.

4.Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a/ Tài liệu căn cứ nghiệm thu

- Căn cứ hợp đồng số : 0069-2009/HĐKH/TT, kí ngày 22/07/2009 giữa công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ XNK Trọng Tiến với công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

-Kiểm tra thực tế trên hiện trường.

b/ Về chất lượng công việc đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn kĩ thuật hiện hành.

c/ Khối lượng hoàn thành:

1. Model:FTE25FVM/RE25JV1 – 02 bộ
2. Model:FTE35FVM/RE35JV1 – 31 bộ
3. Model:FT50FVM/RE50BV1 – 02 bộ

4.Điều khiển : 35 bộ

5. Kết luận :

Đồng ý nghiệm thu để triển khai tiếp các phần việc tiếp theo.

PHÒNG ĐT- KDBĐS **PHÒNG TC- KT** **ĐƠN VỊ THI CÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH

-Căn cứ vào hợp đồng số 0069-2009/HĐKT/TT, kí ngày 22/07/2009 giữa công ty TNHH TM và DV XNK Trọng Tiến với công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

-Căn cứ vào biên bản nghiệm thu- bàn giao thiết bị ki ngày 10 tháng 11 năm 2009.

Hôm nay ngày 24 tháng 11 năm 2009, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Địa chỉ : số 61 (số 16 cũ) đường Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại : 0313.837.441

Đại diện : **Ông Nguyễn Văn Hùng** Chức vụ: Tổng giám đốc

Mã số thuế : 0200412699

Số tài khoản : 2087040011865- Tại Ngân hàng TM CP Xăng dầu PETROLIMEX – CNHP

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XNK TRỌNG TIẾN

Địa chỉ : 143 Lương Khánh Thiện – Hải Phòng

Điện thoại : 0313.592621

Đại diện : **Bà Nguyễn Thị Tiến** Chức vụ : Giám đốc công ty

Mã số thuế :0200468564

Tài khoản :0031000923943- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN-CNHP

Hai bên cùng tiến hành quyết toán cho công trình: công ty cổ phần vận tải và dịch vụ PETROLIMEX Hải Phòng, như trong hợp đồng đã kí, chi tiết cụ thể như sau:

Tên sản phẩm		C.suất lạnh	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
		Btu/h	SL	ĐV		
1	**ĐHNĐ DAKIN loại treo tường, 2 cục 1 chiều Nhật Bản sx tại Thái Lan**					
-	Model:FTE25FVM/RE25JV1	9.000	2	Bộ	10.397.000	20.794.000
-	Model:FTE35FVM/RE35JV1	12000	31	Bộ	12.396.000	384.276.000
-	Model:FT50FVM/RE50BV1	18000	2	Bộ	19.136.000	38.272.000
2	Thuê dàn giáo+ vận chuyển					1.500.000
	Cộng					**444.842.000**
	Thuế VAT 10%					44.484.200
	Tổng cộng					**489.326.200**

Máy hoạt động tốt, đảm bảo chất lượng – kĩ thuật, hang mới 100%, đã được bên A chấp nhận nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Hai bên cùng thống nhất quyết toán như sau:

Tổng giá trị hợp đồng là: **489.326.200** (bốn trăm tám mươi chin triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng)

Số tiền đã đặt cọc (30% giá trị hợp đồng) : **146.797.860** (*một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chin mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi đồng)*

Số tiền còn phải thanh toán**: 318.062.030** (*ba trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn không trăm ba mươi đồng)*

Bản quyết toán được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị về mặt pháp lí như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Ông Nguyễn Văn Hùng	Bà Nguyễn Thị Tiến
(đã kí)	(đã kí)

HÓA ĐƠN — Mẫu số: 01GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG — NA/2009B

Liên 2: Giao khách hàng — **0051036**

Ngày 26/11/2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM XNK Trọng Tiến

Địa chỉ: 143- Lương Khánh Thiện- Hải Phòng

Số tài khoản:……

Điện thoại:…0200468564……

Họ tên người mua hàng: ……

Tên đơn vị: Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Địa chỉ: 61-Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Số tài khoản:…….

Hình thức thanh toán: CK ……..MS: 0200412699

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Model:FTE25FVM/RE25JV1	Bộ	02	10.397.000	20.794.000
2	Model:FTE35FVM/RE35JV1	Bộ	31	12.396.000	384.276.000
3	Model:FT50FVM/RE50BV1	Bộ	02	19.136.000	38.272.000
Cộng tiền hàng :					444.842.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT: .			44.484.200
Tổng cộng tiền thanh toán					489.326.200
Số tiền viết bằng chữ: *hai mươi chin triệu một trăm chin mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng*					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DV PETROLIMEX HP

Mẫu số: 02-TSCĐ

Ban hành theo QĐ số: 15/2006 QD-BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số:…113……

Ngày 30 tháng 11 năm 2009 lập thẻ

Kế toán trưởng:(ký, họ tên)

Phạm Thị Ngọc Anh

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu TSCĐ số ngày 10 tháng 11 năm 2009

Tên, ký mã hiệu, quy cách(xếp hạng) TSCĐ: 35 máy ĐHKK lắp đặt cho tòa nhà văn phòng

……
……

Số hiệu TSCĐ: 1117

Nước sản xuất(xây dựng) :Thái lan

Năm sản xuất:

Bộ phận quản lý. sử dụng: tòa nhà VP

Năm đưa vào sử dụng:2009

Công suất(diện tích) thiết kế

Đình chỉ sử dụng TSCĐ: ngày… tháng… năm

Lý do đình chỉ:

Số hiệu chứng từ	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá TSCĐ	Gia trị hao mòn TSCĐ		
			Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
54/H	30/11/2009	35 máy điều hoà trang bị cho phòng tòa nhà VP	444.842.000	5	0	0
	31/12/2009	Trích khấu hao quí IV/ 2009	444.842.000	5	7.414.033	7.414.0333

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số…ngày…tháng…năm….

Lý do giảm:…….

Kế toán trưởng — Người lập

(ký, họ tên) — (ký, họ tên)

CÔNG TY CP VT & DV PETROLIMEX HP

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC VNĐ

Ngày 30/11/2009

Khách hàng : (TRTIEN)

Số tiền: 489 326 200 Đồng

Viết bằng chữ: bốn trăm tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng

Kèm theo…….chứng từ gốc

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
133	3311	44 484 200	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ
211	3311	444 842 000	Quyết toán lắp đặt 35 máy điều hòa

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người lập phiếu **Kế toán trưởng**

***Khi thanh lí, nhượng bán**

-Việc thực hiện thanh lí, nhượng bán TSCĐ phải thực hiện theo quy định của Nhà nước.

-Khi có TSCĐ giảm do thanh lí, nhượng bán thì công ty phải họp hội đồng thanh lí TSCĐ, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt những TSCĐ nhượng bán, thanh lí

-Căn cứ vào hồ sơ thanh lí nhượng bán TSCĐ, kế toán tiến hành hạch toán giảm TSCĐ và các nghiệp vụ có liên quan.

-TSCĐ được đưa ra nhượng bán thanh lí là những TSCĐ không cần dùng hoặc không còn sử dụng được, hiện đơn vị đang theo dõi quản lí, khi đưa ra thanh lí đơn vị phải lập đầy đủ hồ sơ và thực hiện theo quy định của Nhà nước về công tác thanh lí tài sản.

Ví dụ minh họa: ngày 25/05/2009 công ty PTS bán tàu PTS02 cho công ty TNHH An Thắng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 38/HĐKT/2009

-Căn cứ vào Bộ luật dân sự được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI kì họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005

-Căn cứ nhu cầu của công ty TNHH An Thắng và khả năng cung cấp của công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Hôm nay ngày 25 tháng 05 năm 2009, tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng chúng tôi gồm:

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH AN THẮNG

Địa chỉ : Cầu Ràm, xã Tân Hương huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0320.2244659 Fax : 0320.3760659

Tài khoản : 102010000357937 tại Ngân hàng Công thương CN HD

Mã số thuế : 0800122705

Đại diện :**Trịnh Văn Thịnh** Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Địa chỉ : số 61 đường Ngô Quyền Hải Phòng

Điện thoại : 0313.837.441

Mã số thuế : 0200412699

Số tài khoản : 2087040011865- Tại Ngân hàng TM CP Xăng dầu PETROLIMEX – CNHP

Đại diện : **Ông Nguyễn Trọng Thủy** Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 340/TC-HC

Bên bán đồng ý bán, bên mua đồng ý mua, hai bên thống nhất kí kết và thực hiện hợp đồng kinh tế có nội dung sau:

Điều 1: Mô tả về tàu

1.Mô tả về tàu

-Tên tàu: PTS02. -BKS: HP 0529.

-Số lượng: 01 chiếc. -Kí hiệu thiết kế: VL 07- 07.

-Số đăng kiểm: V15-00068. -Hoán cải: 2000- công ty PTS Hải Phòng

-Công dụng: Chở dầu. -Vật liệu: thép

-Máy chính : 6L160, No 31850279 -Trọng tải toàn phần: 440T

-Kích thước: L× B ×D × d: 440,00 × 8,5 × 1,9 × 1.65 (m)

-Tàu đang hoạt động bình thường, hạn kiểm tra hang năm theo sổ đăng kiểm là ngày 09/12/2009 và hạn kiểm tra PCCC theo giấy phép PCCC là ngày 26/08/2009

Giá bán tàu: 1.400.000.000

(bằng chữ : một tỉ bốn trăm triệu đồng chẵn)

-giá trên đã bao gồm thuế GTGT 5%.

Điều 2: Phương thức thanh toán

-Bên mua tạm ứng cho bên bán 100.000.000 (một trăm triệu đồng chẵn) ngay sau khi kí hợp đồng.

-Bên mua thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho bên bán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trước khi nhận tàu.

-Bên bán sau khi nhận được tiền sẽ giao tàu và xuất hóa đơn GTGT cùng các giấy tờ khác liên quan đến tàu

-Bên mua chịu chi phí sang tên đổi chủ, bên bán có trách nhiệm hỗ trợ khi làm các thủ tục.

Điều 3: Địa điểm, thời gian, hình thức bàn giao tàu

-Địa điểm giao tàu: công ty PTS Hải Phòng số 61 Ngô Quyền Hải Phòng.

-Thời gian giao tàu: sau khi bên mau thanh toán hết tiền cho bên bán.

-Hình thức bàn giao: bàn giao theo phương thức kiểm tra hiện trạng:

*Dầu diesel còn 200 lít

*Dầu nhớt bổ sung còn 10 lít

*Các dụng cụ và trang thiết bị theo sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa.

*Các vật dụng cá nhân của thuyền viên do thuyền viên quyết định.

Điều 4: Trách nhiệm cho mỗi bên

1. Bên mua:

-Bố trí cán bộ nhận tàu đúng thời gian và đúng quy định trong hợp đồng

-Thanh toán, nhận hóa đơn GTGT cùng các giấy tờ khác có liên quan đến tàu.

2. Bên bán:

-Giao tàu đúng địa điểm và thời gian quy định trong hợp đồng.

-Xuất hóa đơn GTGT cùng các giấy tờ khác liên quan đến tàu.

Điều 5: Điều khoản chung

-Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản của hợp đồng kinh tế này. Nếu bên nào làm sai bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường các tổn thất do bên mình gây ra. Không được đơn phương hủy hợp đồng.

-Trong quá trình thực hiện nếu xảy ra tranh chấp hợp đồng thì hai bên bàn bạc chủ động thương lượng giải quyết. Trong trường hợp không thương lượng được thì hai bên sẽ đưa ra tòa án kinh tế thành phố Hải Phòng giải quyết.Quyết định của tào án là quyết định cuối cùng, bên thua sẽ chịu án phí.

-Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lí như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

HÓA ĐƠN — Mẫu số: 01GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG — GY/2007B

Liên 3: Nội bộ — **0030988**

Ngày 29/05/2009

Đơn vị bán hàng: : Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Địa chỉ: 61-Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Số tài khoản: 0200412699

Điện thoại:……

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: công ty TNHH An Thắng

Địa chỉ: Cầu Ràm, xã Tân Hương huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: ……..MS: 0800122705

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Bán tàu PTS02 BKS: HP 0529 Tàu chở dầu trọng tải toàn phần 440T				1.333.333.333
Cộng tiền hàng :					1.333.333.333
Thuế suất GTGT: 5%	Tiền thuế GTGT: .				66.666.667
Tổng cộng tiền thanh toán					1.400.000.000
Số tiền viết bằng chữ: *một tỷ bốn trăm ngàn đồng chẵn*					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO TÀU

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH AN THẮNG

Địa chỉ : Cầu Ràm, xã Tân Hương huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0320.2244659 Fax : 0320.3760659

Tài khoản : 102010000357937 tại Ngân hàng Công thương CN HD

Mã số thuế : 0800122705

Đại diện :**Trịnh Văn Thịnh** Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Địa chỉ : số 61 đường Ngô Quyền Hải Phòng

Điện thoại : 0313.837.441

Mã số thuế : 0200412699

Số tài khoản : 2087040011865- Tại Ngân hàng TM CP Xăng dầu PETROLIMEX – CNHP

Đại diện : **Ông Nguyễn Trọng Thủy** Chức vụ:phó tổng giám đốc

Ông Phùng Như Thịnh Chức vụ: TP KT-VT

Ông Phạm Văn Chuynh Chức vụ: thuyền trưởng

Hôm nay ngày 29 tháng 05 năm 2009, tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, chúng tôi cùng nhau bàn giao tàu PTS02 theo hợp đồng số 38/HĐKT/2009 kí ngày 25/05/2009 giữa công ty PTS và công ty TNHH An Thắng theo các nội dung sau:

1.Bàn giao 01 tàu chở dầu (PTS02) BKS HP 0529 còn nguyên trạng cùng các giấy tờ sau:

-GCN đăng kí phương tiện thủy nội địa số 248/ĐK

-GCN an toàn kĩ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 02842/08V15 và biên bản kiểm tra kĩ thuật SA01 số 02842/08V15.

-Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ số 263/CV-PCCC(KT).

-GCN bảo hiểm tàu thủy nội địa số 09/HPO/HHA/1232/2009.

-Sổ kiểm tra kĩ thật phương tiện thủy nội địa số 0412/07V15.

-Hồ sơ đăng kiểm PTS02 trên đà năm 2007.

-Hồ sơ quản lí công tác PCCC (tháng 04/2005).

-Giấy xác nhận số liệu barem dung tích

-Biên bản kiểm tra hệ thống công nghệ hầm bơm

-Công văn số 116/KT-ĐT ngày 18/05/2005 có xác nhận của chi cục đăng kiểm số 10 về các trang thiết bị PCCC, phòng chống tràn dầu trên tàu.

2. Tàu hoạt động bình thường

- Dầu diesel còn 200 lít

-Dầu nhớt bổ sung còn 10 lít

-Các dụng cụ và trang thiết bị theo sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa.

-Các vật dụng cá nhân của thuyền viên do thuyền viên quyết định.

Biên bản lập xong được đọc cho hai bên cùng nghe. Hai bên thống nhất với nội dung trên và cùng kí vào biên bản.

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô Quyền, Hải Phòng Ban hành theo QĐ số

Mã số thuế :0200412699 15/2006/QĐ – BTC Ngày

Telefax: (84 – 031) 767 201 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày:29/05/2009 **Số CT 155**

Tk nợ 131

Tk có 7112, 3331

Người nộp tiền: **Vũ Thị Nết**

Địa chỉ: P. KT – TC

Lý do: thu tiền bán tàu PTS02

Số tiền**: 1 400 000 000**

Bằng chữ: **một tỉ bốn trăm triệu đồng chẵn**

Kèm theo:…… chứng từ gốc.

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Văn Hùng	Phạm Ngọc Anh	Phạm Thị Hạnh

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ: Một tỉ bốn trăm triệu đồng chẵn.

Người nộp tiền **Thủ Quỹ**

Tỷ giá ngoại tê (vàng, bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC VNĐ

Ngày 29/05/2009

Khách hàng : (ANTHANG)

Số tiền**: 1 400 000 000** Đồng

Viết bằng chữ: một tỉ bốn trăm triệu đồng chẵn

Kèm theo…….chứng từ gốc

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
131TSCĐ	3331	66 666 6667	Thuế GTGT
131TSCĐ	7112	1 333 333 333	Doanh thu bán tàu PTS02

Ngày 29 tháng 05 năm 2009

Người lập phiếu **Kế toán trưởng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số : …./TLHĐKT/2009

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH AN THẮNG

Địa chỉ : Cầu Ràm, xã Tân Hương huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0320.2244659 Fax : 0320.3760659

Tài khoản : 102010000357937 tại Ngân hàng Công thương CN HD

Mã số thuế : 0800122705

Đại diện :**Trịnh Văn Thịnh** Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Địa chỉ : số 61 đường Ngô Quyền Hải Phòng

Điện thoại : 0313.837.441

Mã số thuế : 0200412699

Số tài khoản : 2087040011865- Tại Ngân hàng TM CP Xăng dầu PETROLIMEX – CNHP

Đại diện : **Ông Nguyễn Trọng Thủy** Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 340/TC-HC

Hôm nay vào hồi 8h00 ngày 09 tháng 06 năm 2009 tại công ty PTS Hải Phòng, chúng tôi cùng nhau thanh lí hợp đồng số 38/HĐKT/2009 giữa công ty PTS Hải Phòng và công ty TNHH An Thắng theo các nội dung sau :

1.Tổng giá trị hợp đồng: 1.400.000.000 (một tỉ bốn trăm triệu đồng)

Đơn giá trên bao gồm cả thuế GTGT 5%.

2.Bên mua đã chuyển đủ số tiền cho bên bán là 1.400.000.000 đồng.

Bên bán đã bàn giao tàu PTS02 cho bên mua theo đúng nội dung biên bản giao tàu kí ngày 29/05/2009.

3.Bên bán xuất hóa đơn tài chính số 0030988 theo đúng giá trị hợp đồng 38/HĐKT/2009.

4.Bên mua và bên bán cam kết không có khiếu kiện gì nữa. Nay hai bên thống nhất thanh lí hợp đồng số 38/HĐKT/2009 trên.

Biên bản lập xong được đọc cho hai bên cùng nghe. Hai bên thống nhất với nội dung trên và cùng kí vào biên bản.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị thanh lí như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
Ông Trịnh Văn Thịnh	Ông Nguyễn Trọng Thủy
(đã kí)	(đã kí)

2.2.3.2 Kế toán chi tiết sửa chữa TSCĐ tại công ty

Quy trình sửa chữa TSCĐ

-Khi công trình bắt đầu triển khai, phòng Tài chính-Kế toán phải có 01 bộ hồ sơ, vào mã đối tượng cho từng công trình.

-Phòng Tài chính-Kế toán đối chiếu với kế hoạch công tác đầu năm để cân đối nguồn vốn.

*Đối với công trình thuê ngoài:

- Đơn vị theo dõi thi công phải lập hợp đồng, thời gian thực hiện, yêu cầu chất lượng kĩ thuật, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành…

-Sau đó chuyển về phòng TC-KT để thanh toán hợp đồng (có kèm hóa đơn GTGT). Khi công trình đã hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu, bàn giao, bên A, bên B và các đơn vị quản lí công trình. Có bản thanh lí hợp đồng để thanh toán theo các điều kiện của hợp đồng và giữ lại số tiền bảo hành.

*Đối với công trình công ty tự làm

-Khi công trình bắt đầu triển khai phòng TC-KT phải có ngay 01 bộ hồ sơ để vào mã đối tượng cho từng công trình và theo dõi, hạch toán.

-Vật tư hàng hóa đơn vị thi công mua phải có hợp đồng và thanh lí hợp đồng (nếu giá trị trên 10 triệu đồng). Căn cứ vào giá trị vật tư trong dự toán, phòng TC-KT chuyển tiền phải có hóa đơn GTGT và nhập kho.

-Căn cứ vào biên bản khoán công nhân của hợp đồng, phòng TC-KT chi theo khối lượng công việc hoàn thành, có danh sách của các đơn vị nếu chi lương công ty, nếu thuê ngoài phải có hợp đồng và danh sách số tiền thực lĩnh.

-Khi quyết toán công trình hoàn thành,phòng TC-KT thanh toán tiếp phần vật tư và công nhân theo biên bản thanh lí hợp đồng hoặc khoán (với đầy đủ các chứng từ kèm theo).

-Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng có các thành: phần đơn vị thi công, đơn vị sử dụng,TCKT,KH…

-Hóa đơn GTGT (nếu trả mua vật tư cho nhà cung cấp).

-Hồ sơ chứng từ công trình đó được lưu bản gốc tại phòng TC-KT.

Ví dụ minh họa: công ty PTS thuê xí nghiệp sửa chữa ô tô Vạn Thành sửa chữa ô tô Camry BKS 16K 6129.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Lãnh đạo phòng TC-HC

Tên tôi là: Đinh Tiến Chương

Lái xe: 16K 6129

Kính đề nghị phòng một việc sau đây:

Do quá trình hoạt động nhiều năm đến nay xe đã cũ.

Hiện nay vòng bi láp trước đã bị hỏng cả hai bên kêu nhiều, không còn đảm bảo cho xe hoạt động để phục vụ công tác tốt. Vậy cần được thay thế mới để xe phục vụ công tác được an toàn.

Vậy tôi lam đơn này trình với Lãnh đạo phòng xem xét giải quyết cho tôi được thay mới hạng mục trên, để cho xe phục vụ công tác tốt hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng ngày 16 tháng 11 năm 2009

Người làm đơn

Đinh Tiến Chương

XÍ NGHIỆP
SỬA CHỮA Ô TÔ
VẠN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BÁO GIÁ SỬA CHỮA Ô TÔ

Biển số: 16K 6129

Tên : công ty PTS

STT	NỘI DUNG VẬT TƯ	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	Láp cả bộ xe Camry gồm 04 quả láp + 01 bộ bi trung gian + 2 thanh láp				8 600 000
	Thành tiền				8 600 000

BÁO GIÁ CHƯA CÓ VAT 10%

Tổng số tiền (bằng chữ): tám triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.

Khách hàng

Thủ trưởng đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DV

PETROLIMEX HP

TỜ TRÌNH

(V/v thay bộ trục láp xe 16K 6129)

Hải Phòng, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Kính gửi: **BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Căn cứ đề nghị của lái xe 16K 6129 và ý kiến của phòng Tổ chức-Hành chính.

Phòng Kĩ thuật-Vật tư đã cử cán bộ kĩ thuật kiểm tra tình trạng kĩ thuật của hệ trục láp dẫn động xe ô tô 16K 6129 như sau:

Tình trạng hiện tại: Toàn bộ các vòng bi và các khớp nối then hoa của bộ trục láp dẫn động có hiện tượng dơ lỏng nhiều, khi xe vào cua có tiếng kêu lạ, các lớp cao su chắn bụi đã bị rách.

Nguyên nhân: Qua quá trình hoạt động của xe đã lâu (từ năm 1997), đến nay các vòng bi bị mòn dẫn đến dơ lỏng, khi xe hoạt động gây tiếng kêu, lớp cao su bị lão hóa nên bị rách, không đảm bảo kĩ thuật.

Khắc phục: Để đảm bảo cho xe hoạt động an toàn, phòng Kĩ thuật-Vật tư kính đề nghị Ban giám đốc duyệt cho thay mới cả bộ trục láp và các vòng bi đỡ của hệ thống dẫn động xe.

Kính đề nghị Ban giám đốc xem xet, quyết định!

HÓA ĐƠN — Mẫu số: 01GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG — NL/2009B

Liên 2: Gia khách hàng — **0005576**

Ngày 22/11/2009

Đơn vị bán hàng: xí nghiệp sửa chữa ô tô Vạn Thành

Địa chỉ: 41 Lê Thánh Tông phường Máy Chai Ngô Quyền HP

Số tài khoản: 0200259497

Điện thoại:……

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Địa chỉ: : 61-Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Số tài khoản: 0200412699

Hình thức thanh toán: …TM……..MS: 0200412699

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Thay láp trước đồng bộ gồm láp 4 quả 3 thanh láp				8.600.000
Cộng tiền hàng :					8.600.000
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT: .			430.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.030.000
Số tiền viết bằng chữ: *chin triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*					

Người mua hàng — Người bán hàng — Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên) — *(Ký, ghi rõ họ tên)* — *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DV

PETROLIMEX HP

ĐỀ NGHỊ

THANH TOÁN

Hải Phòng ,ngày 24 tháng 11 năm 2009

Kính gửi: ÔNG TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

PHÒNG TÀI CHÍNH- KẾ TOÁN

Tên tôi là : Đinh Tiến Chương

Đơn vị công tác: Phòng Tổ chức-Hành chính

Nội dung thanh toán:

Chi phí sửa chữa xe ô tô BKS 6129 ngày 22/11/2009 thay toàn bộ láp trước gồm 4 quả số tiền là 9.030.000

Tổng số tiền : 9.030.000

(Bằng chữ: chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn)

TỔNG GIÁM ĐỐC PHÒNG TC-HC NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô Quyền, Hải Phòng Ban hành theo QĐ số

Mã số thuế :0200412699 15/2006/QĐ – BTC Ngày

Telefax: (84 – 031) 767 201 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày:24/11/2009 **Số CT 1804**

TÀI KHOẢN GHI NỢ 13311: 430 000

642704: 8 600 000

Người nhận tiền**: Đinh Tiến Chương**

Địa chỉ: P. TC-HC

Về khoản: thanh toán tiền sửa chữa xe ô tô 16K6129

Số tiền**: 9 030 000**

Bằng chữ: **chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn**

Kèm theo:……05…… chứng từ gốc.

Giấy giới thiệu số: Ngày : / /

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)

2.2.4 Kế toán tổng hợp TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

2.2.4.1 Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng

a. chứng từ và sổ sách sử dụng

- Biên bản giao nhận TSCĐ.

- Hoá đơn mua TSCĐ, hoá đơn chi phí vận chuyển, chi phí lắp đặt chạy thử...

- Biên bản thanh lý TSCĐ

- Thẻ TSCĐ: Do phòng kế toán lập dùng để theo dõi quá trình sử dụng của từng TSCĐ trong công ty, ghi chép quá trình mua vào, khấu hao từng tài sản dùng trong kỳ, các chi phí sửa chữa phát sinh trong kỳ đến khi thanh lý nhượng bán(nếu có)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

- Sổ cái TK 211,214….

b.Hệ thống tài khoản sử dụng

Để hạch toán TSCĐ, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK211: TSCĐ hữu hình. Công ty có sử dụng các tài khoản cấp 2 sau:

+ TK2111: Nhà cửa, vật kiến trúc

+ TK2112: Máy móc thiết bị

+ TK2113: Phương tiện vận tải

+ TK2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý

+ TK2118: TSCĐ khác

- TK214: Hao mòn TSCĐ

c.Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán

Quy trình luân chuyển chứng từ

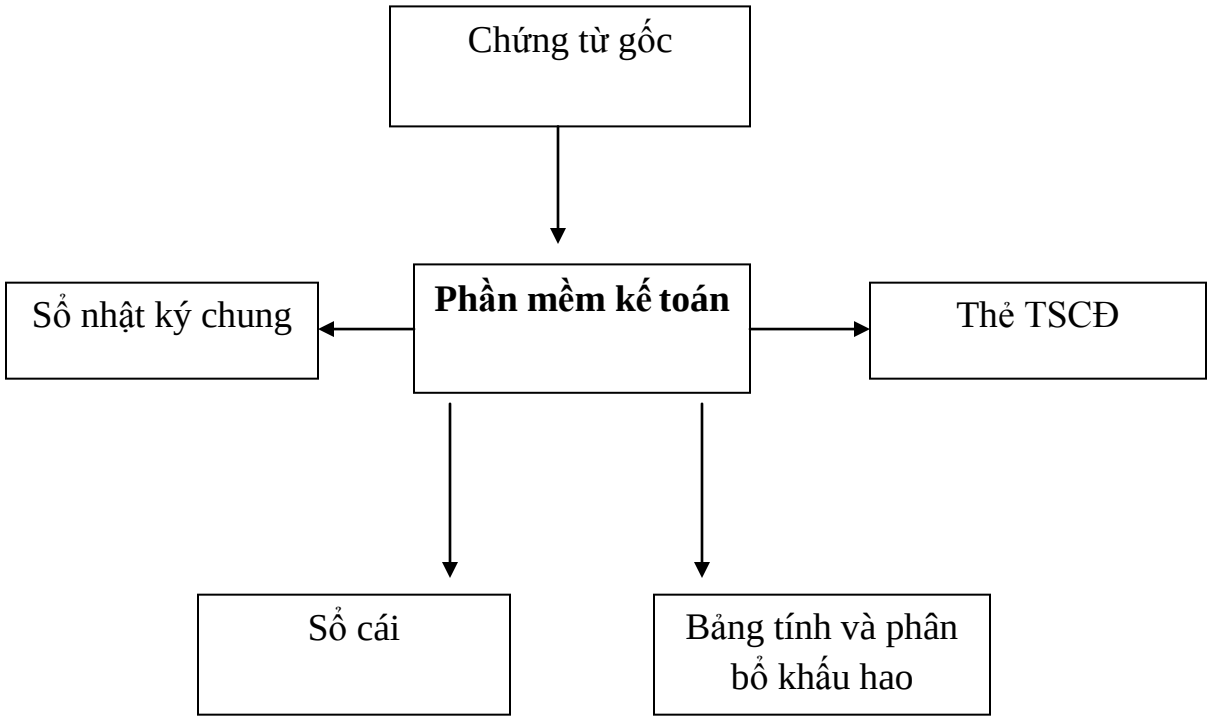

Sơ đồ Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tài sản cố định

Hàng ngày căn cứ vào các hoá đơn chứng từ gốc như: Hợp đồng kinh tế, Giấy báo giá, Hoá đơn GTGT, phiếu chi hoặc phiếu kế toán khác, kế toán sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các hoá đơn chứng từ rồi nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Máy sẽ tự động in ra các sổ: Nhật ký chung, thẻ TSCĐ, Sổ cái TK, Bảng tính

và phân bổ khấu hao. Đến cuối quý, căn cứ vào các sổ kế toán và bảng tổng hợp chi tiết để lập ra các báo cáo tài chính.

2.2.4.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ hữu hình

BIỂU CHI TIẾT TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2009

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA, KIẾN TRÚC	MÁY MÓC,THIẾT BỊ	P/TIỆN V.TẢI TRUYỀN DẪN	T.BỊ Q.LÍ	TSCĐ KHÁC	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ TSCĐHH						
Số dư đầu năm	**4.608.383.637**	**355.525.502**	**36.362.614.689**	**151.085.906**	**0**	**41.477.609.734**
-Mua trong kì	0	16.363.636	607.747.714	601.225.115	172.247.701	1.397.584.166
-Đầu tư XDCB hoàn thành	6.827.821.745	102.866.364	15.316.640.809	0	0	22.247.328.918
-Tăng khác	0	0	0	0	0	0
-Chuyển sang BĐS đầu tư	0	0	0	0	0	0
-Thanh lí, nhượng bán	0	0	745.519.209	0	0	745.519.209
-Giảm khác	0	0	0	0	0	0

Số dư cuối kì	**11.436.205.382**	**474.755.502**	**51.541.484.003**	**752.311.021**	**172.247.701**	**64.377.003.609**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**1.379.583.180**	**301.737.792**	**10.466.711.181**	**115.822.560**	**0**	**12.263.854.713**
-Khấu hao trong kì	293.336.050	44.118.575	4.134.509.249	41.301.616	7.989.025	4.521.254.515
-Tăng khác	0	0	0	0	0	0
-Chuyển sang BĐS đầu tư	0	0	0	0	0	0
-Thanh lí, nhượng bán	0	0	560.197.017	0	0	560.197.017
-Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kì	**1.672.919.230**	**345.856.367**	**14.041.023.413**	**157.124.176**	**7.989.025**	**16.224.912.211**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐHH						
-Số dư đầu năm	**3.228.800.457**	**53.787.710**	**25.895.903.508**	**35.263.346**	**0**	**29.213.755.021**
-Tại ngày cuối kì	**9.763.286.152**	**128.899.135**	**37.500.460.590**	**595.186.845**	**164.258.676**	**48.152.091.398**

-Giá trị còn lại cuối kì của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **10.512.760.822**

-Nguyên giá TSCĐ cuối kì đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **735.256.132**

-Các cam kết về việc mua bán TSCĐHH có giá trị lớn trong tương lai:

-Các thay đổi khác về TSCĐHH

2.2.4.2.1 Kế toán tăng TSCĐ hữu hình

*Kế toán TSCĐ tăng do mua sắm

Căn cứ vào các chứng từ mua TSCĐ (hoá đơn, phiếu chi…) và biên bản giao nhận TSCĐ của phòng quản lí vật tư gửi về, kế toán công ty xác nhận nguyên giá của TSCĐ và hạch toán như sau:

Ví dụ ngày 22/10/2009 công ty PTS mua 01 bộ bàn ghế cột nhỏ đã thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ TK 211: 38 000 000

Nợ TK 133: 3 800 000

Có TK 1111: 41 800 000

Mô hình

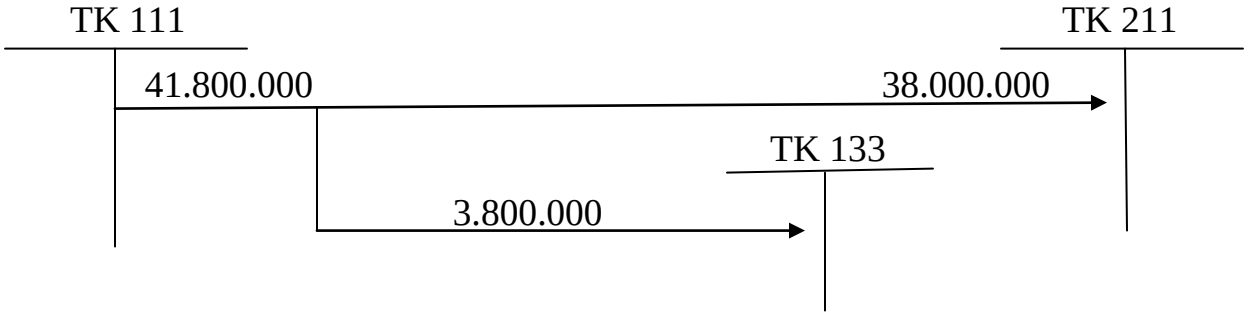

Và được ghi vào sổ nhật kí chung, thẻ TSCĐ và sổ cái TK theo ngày của TK 211, 214

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/01	01/K	01/01	Kết chuyển tiền thuế TNCN đã thu của NLĐ Q1,Q2 năm 08	33888 3335	410.595.406	 410.595.406
02/01	NH	02/01	CHXD số 1 nộp tiền hàng	1121INDO 13881	196.000.000	 196.000.000
02/01	NH	02/01	Hồ Thị Yến trả tiền VT	1121INDO 131VT	40.000.000	 40.000.000
02/01	NH	02/01	CHXD số 1 nộp tiền hàng	1121 INDO 13381	248.500.000	 248.500.000
….	….	….	…..	…..	….	….
….	….	….	….	….	…	….

22/10	1625	22/10	mua 01 bộ bàn ghế cột nhỏ đã thanh toán bằng tiền mặt.	211 133 1111	38.000.000 3.800.000	 41.800.000
….	….		….	….	….	….

Ngày…..tháng…..năm

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DV PETROLIMEX HP

Mẫu số: 02-TSCĐ

Ban hành theo QĐ số: 15/2006 QD-BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số:…102……

Ngày 22 tháng 10 năm 2009 lập thẻ

Kế toán trưởng:(ký, họ tên)

Phạm Thị Ngọc Anh

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu TSCĐ số ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tên, ký mã hiệu, quy cách(xếp hạng) TSCĐ: 01 bộ bàn ghế cột nhỏ

……
……

Số hiệu TSCĐ: 1117

Nước sản xuất(xây dựng) :Đài Loan

Năm sản xuất:

Bộ phận quản lý. sử dụng: phòng giám đốc

Năm đưa vào sử dụng:2009

Công suất(diện tích) thiết kế

Đình chỉ sử dụng TSCĐ: ngày… tháng… năm

Lý do đình chỉ:

Số hiệu chứng từ	Ngày tháng năm	Nguyên giá TSCĐ Diễn giải	Nguyên giá	Gia trị hao mòn TSCĐ Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn

1625	22/10/2009	1 bộ bàn ghế cột nhỏ	38.000.000	10	0	0
	22/10/2009	Trích khấu hao quí IV/ 2009	38.000.000	10	633.334	633.334

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số…ngày…tháng…năm….

Lý do giảm:…….

Kế toán trưởng | Người lập

(ký, họ tên) | (ký, họ tên)

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày:01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 211- Tài sản cố định hữu hình

Dư nợ đầu kỳ 55.910.717.521

Dư có đầu kỳ

Dư nợ cuối kỳ 64.377.003.609

D ư c ó cu ối k ỳ

Tổng cộng 8.466.286.088

Chứng từ		**Diễn giải**	**Số hiệu tài khoản**	**Phát sinh**	
Ngày	**Số CT**			**Nợ**	**Có**
		Số trang trước chuyển sang			
22/10	1625	Mua 1 bộ bàn ghế cột nhỏ	1111	38.000.000	
28/10	NH	Chuyển tiền mua cây cảnh	1121	22.600.000	
30/11	54/H	Quyết toán lắp đặt 35 máy điều hòa cho tòa nhà VP mới	3311	444.842.000	
…..	…..	……	…..	…..	……

Ngày… tháng … năm…

Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Tổng Giám Đốc

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày:01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 214- Hao mòn tài sản cố định

Dư nợ đầu kỳ 14.961.579.465

Dư có đầu kỳ

Dư nợ cuối kỳ 16.224.912.211

D ư c ó cu ối k ỳ

Tổng cộng 1.263.332.746

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			
31/12		Trích khấu hao quý IV của bộ bàn ghế cột nhỏ	6414		633.334
…..		….	….	….	…..
31/12		Điều chỉnh CCDC sang TSCĐ theo số liệu kiểm toán	2114		9.021.653
		Điều chỉnh CCDC sang TSCĐ theo số liệu kiểm toán	2115		1.402.727

Ngày… tháng … năm…

Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Tổng Giám Đốc

2.2.4.2.2 Kế toán giảm TSCĐ

*Nhượng bán TSCĐ

TSCĐ nhượng bán thường là những TSCĐ không cần dùng hoặc xét thấy sử dụng không có hiệu quả. Khi nhượng bán TSCĐHH phải làm đầy đủ các thủ tục cần thiết như hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận TSCĐ…Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ và các chứng từ liên quan đến nhượng bán TSCĐ.

Ví dụ minh họa: ngày 29 tháng 5 năm 2009 công ty PTS bán tàu chở dầu PTS02.

Nợ TK 131: 1 400 000 000

Có TK 3331: 66 666 667

Có TK 7112: 1 333 333 333

Nợ TK 214: 297 942 554

Nợ TK 811: 185 322 192

Có TK 2113: 483 264 744

Mô hình

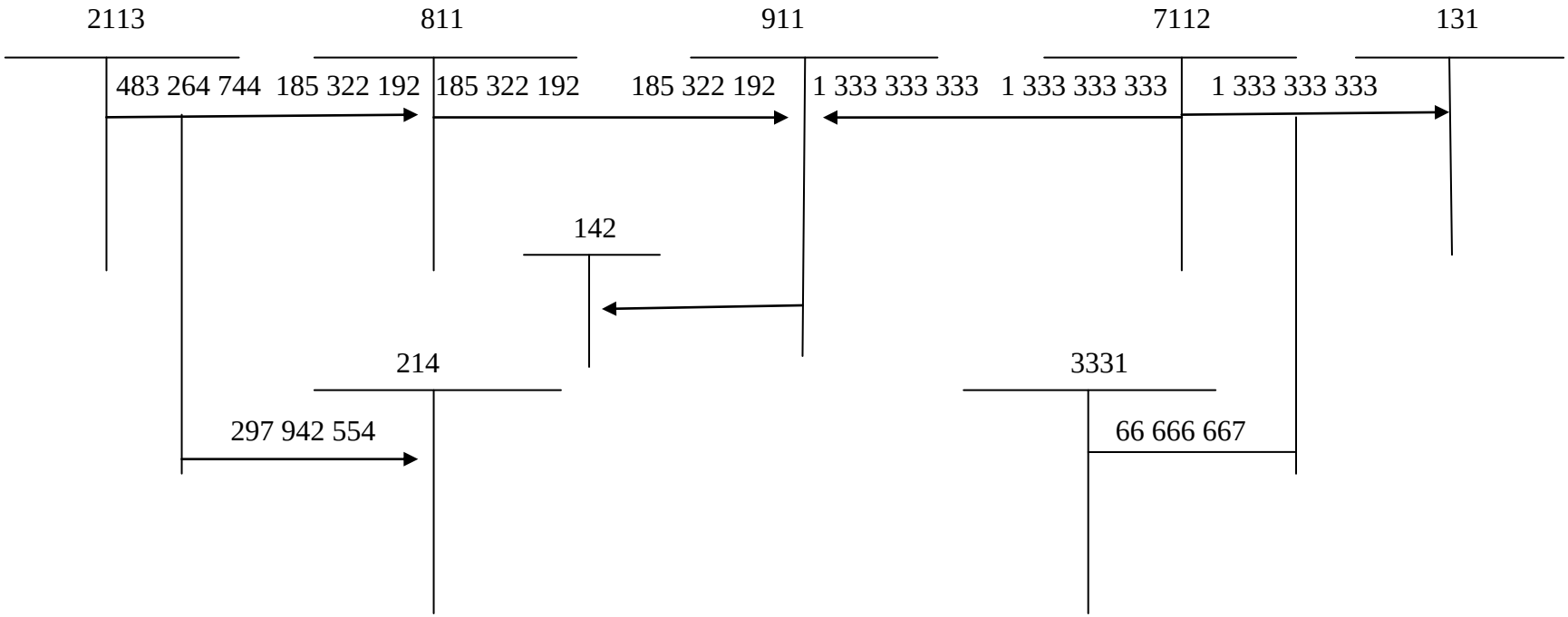
2113
811
911
7112
131
483 264 744
185 322 192
185 322 192
185 322 192
1 333 333 333
1 333 333 333
1 333 333 333
142
214
3331
297 942 554
66 666 667

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/01	01/K	01/01	Kết chuyển tiền thuế TNCN đã thu của NLĐ Q1,Q2 năm 08	33888 3335	410.595.406	410.595.406
02/01	NH	02/01	CHXD số 1 nộp tiền hàng	1121INDO 13881	196.000.000	196.000.000
02/01	NH	02/01	Hồ Thị Yến trả tiền VT	1121INDO 131VT	40.000.000	40.000.000
02/01	NH	02/01	CHXD số 1 nộp tiền hàng	1121 INDO 13381	248.500.000	248.500.000
….	….	….	…..	…..	….	….
….	….	….	….	….	…	….
29/05	39/T	29/05	Bán tàu PTS02	131	1.400.000.000	

				7112 3331 214 811 2113	 297 942 554 185 322 191 	1.333.333.333 66.666.667 483 264 744
….	….		….	….	….	….

Ngày…..tháng…..năm

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày:01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Tài khoản 211- Tài sản cố định hữu hình

Dư nợ đầu kỳ 53.215.910.531

Dư có đầu kỳ

Dư nợ cuối kỳ 63.078.169.254

D ư c ó cu ối k ỳ

Tổng cộng 9.862.258.720

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
….	….	…..	…..	…..	….
31/05	39/T	Nhượng bán tàu PTS 02	214 811		297.942.554 185.322.192
31/05	39/T	Nhượng bán ô tô TOYOTA ZACE	214		262.254.463
…..	…..	……	…..	…..	……

Ngày… tháng … năm…

Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Tổng Giám Đốc

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày:01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Tài khoản 214- Hao mòn tài sản cố định hữu hình

Dư nợ đầu kỳ 12.152.396.780

Dư có đầu kỳ

Dư nợ cuối kỳ 15.215.796.210

D ư c ó cu ối k ỳ

Tổng cộng 3.063.399.430

Chứng từ		**Diễn giải**	**Số hiệu tài khoản**	**Phát sinh**	
Ngày	**Số CT**			**Nợ**	**Có**
….	….	…..	…..	…..	….
31/05	39/T	Giảm TSCĐ đã nhượng bán tàu PTS 02	2113	297.942.554	
31/05	39/T	Giảm TSCĐ đã nhượng bán ô tô TOYOTA ZACE	2113	262.254.463	
…..	…..	……	…..	…..	……

Ngày… tháng … năm…

Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Tổng Giám Đốc

2.2.5 Tổ chức hạch toán khấu hao TSCĐ tại công ty PTS

Căn cứ để kế toán tiến hành công tác hạch toán khấu hao TSCĐ là chế độ quản lí " khấu hao TSCĐ" ban hành kèm theo quyết định số 206/2003QĐ- BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính, kết hợp với chế độ tài chính của ngành chế độ chu kì kế toán của công ty là quý nên khấu hao cơ bản lũy kế của TSCĐ được để lại cho doanh nghiệp đầu tư, thay thế đổi mới theo điều lệ quản lí đầu tư và xây dựng hiện hành. Căn cứ vào quy chế quản lí tài chính hiện hành của Nhà nước, doanh nghiệp xác định và đăng kí mức trích khấu hao chi tiết cho từng TSCĐ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TSCĐ ở công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, theo phương pháp này công ty xác định mức trích khấu hao căn cứ vào nguyên giá và thời gian sử dụng.

Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho TSCĐ theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Ví dụ: ngày 28/11/2009 công tyPTS mua 2 sư tử đá

Nguyên giá: 25.455.000

Thời gian sử dụng dự kiến : 4 năm

Theo công thức trên công ty tiến hành tính khấu hao cho TSCĐ này như sau:

Mức khấu hao trung bình năm = 25.455.000 : 4 =6.363.750

Mức khấu hao bình quân tháng = 6.363.750 : 12 = 530.313

Vậy mức trích khấu hao năm 2009 của 2 sư tử đá là 530.313

BẢNG PHÂN BỔ KHẤU HAO
Quí IV/2009

TK	MÃ TSCĐ	TÊN TSCĐ	MÃ ĐV	NGUYÊN GIÁ	SỐ NĂM KH	GTCL 1/1/2009	K.HOẠCH KH NĂM	KHẤU HAO QUÍ IV/2009
2111	11113	CH xăng dầu Hạ lý	1	276,733,725	15.00	148,600,029	18,448,915	4,612,230
2112	1113	Máy phát điện honđa (hạ lý)	1	15,142,866	5.00	0	0	0
2112	1116	Cột bơm xăng dầu	1	93,260,000	3.00	81,602,504	31,086,667	7,771,668
				385,136,591		**230,202,533**	**49,535,582**	**12,383,898**
2111	11113	CH xăng dầu Kiến Thụy	2	255,549,334	15.00	140,376,756	17,036,622	4,259,157
2111	11121	Bể téc (kiến thụy)	2	12,075,000	6.00	0	0	0
2112	1116	Cột xăng đơn thấp SIDI-(T5/03 -> CH02)	2	34,914,286	8.00	4,364,254	4,364,254	1,091,062
2112	1116	Cột xăng đơn thấp SIDI	2	34,914,286	8.00	4,364,254	4,364,254	1,091,062
				337,452,906		**149,105,264**	**25,765,130**	**6,441,281**
2111	11113	CH xăng dầu An Lão	3	418,618,309	15.00	256,011,461	27,907,887	6,976,971
2112	1116	Cột xăng đơn thấp SIDI(T7->CH3)	3	34,914,286	8.00	4,364,254	4,364,254	1,091,062
2112	1116	Cột xăng đơn thấp SIDI(T5/03->CH03)	3	34,914,286	8.00	4,364,254	4,364,254	1,091,062
2112	1116	Cột xăng đơn thấp SIDI	3	34,914,286	8.00	4,364,254	4,364,254	1,091,062
2112	1116	1 cột bơm xăng an lão	3	10,718,768	5.00	0	0	0
2112	1114	Cây xăng dơn thấp Bennet Mỹ	3	34,899,771	8.00	7,634,346	4,362,471	1,090,617
2112	1114	Máy nổ D20 TQ	3	10,081,000	5.00	0	0	0
				579,060,706		**276,738,569**	**45,363,120**	**11,340,774**
2111	11121	Bồn xăng dầu	5	51,103,344	6.00	0	0	0
2112	1114	Bơm cánh gạt +Môtô+hệ thống ống	5	16,851,667	5.00	0	0	0
2111	11121	Két dầu 25 m2	5	25,392,314	8.00	2,610,767	2,610,767	652,691
				93,347,325	**19.00**	**2,610,767**	**2,610,767**	**652,691**
2111	11122	Đường nội bộ + Đất	6	502,240,387	15.00	339,306,892	33,482,692	8,370,672
2111	11113	Nhà làm việc 2 tầng	6	476,064,856	25.00	367,037,740	19,042,594	4,760,649

2113	11181	Xe TOYOTA ZACE	6	262,254,463	8.00	32,781,835	32,781,808	11,473,637
2113	11181	Xe TOYOTA CAMRY 16K-6129	6	263,779,511	8.00	0	0	0
2114	1117	Máy vi tính PIII (ASEAN) 600 P.KD	6	11,541,000	12.00	0	0	0
2114	1117	2 Máy điều hoà National	6	26,539,200	3.00	3,317,400	3,317,400	829,350
2111	11112	Kho số 4 (để xe ôtô,xe đạp)	6	25,685,934	6.00	0	0	0
2114	1117	Máy tính P4 1,8 P.KTĐT	6	10,039,100	5.00	0	0	0
2114	1117	Máy in EPSON LQ2180 P.KTĐT	6	11,629,000	3.00	0	0	0
2114	1117	Máy tính P4 1,8 P.KTOAN	6	10,501,920	3.00	0	0	0
2114	1117	Máy photocopy RICOH AFCIO 650	6	39,034,545	3.00	11,927,220	13,011,515	2,168,583
2114	1117	02 máy tính(Samsung)P4(P.PGĐ+KD)	6	21,967,400	3.00	10,373,486	7,322,467	1,830,618
2114	1117	CPU P.KT - TC	6	13,647,619	3.00	9,098,407	4,549,206	1,137,303
2114	1117	Máy vi tính xách tay P.GĐ	6	17,468,571	3.00	11,645,715	5,822,857	1,455,714
2114	1117	Trang bị máy tính cho P.Phó giám đốc	6	10,619,047	8.00	9,734,125	1,327,381	1,437,996
2114	1117	Trang bị máy tính cho P.Ktoán+HC	6	21,809,524	3.00	21,809,524	7,269,841	1,817,460
2113	11181	Mua Ôtô CAMRY	6	1,023,949,719	10.00	971,064,719	102,394,972	25,598,742
2111	11112	Kho bách hoá (nhà ăn)	6	18,018,000	7.00		2,574,000	-643,500
2114	**1117**	**Bàn ghế cột nhỏ**	**6**	**38,000,000**	**10.00**		**3,800,000**	**6333,334**
2114	**1117**	**35 máy điều hòa**	**6**	**444,842,000**	**5.00**		**88,986,400**	**7,414,033**
2115	**11122**	**2 sư tử đá**	**6**	**25,455,000**	**5.00**		**6,363,750**	**530,313**
				2,766,789,796		**1,788,097,063**	**232,896,733**	**60,237,224**
2113	11181	Mua xe tec Đông Phong 16L4493	7	**486,190,476**	**8.00**	**450,739,088**	**60,773,810**	**15,193,452**
2113	11182	XD 16(PTS11)	9	526,353,640	12.00	331,494,457	43,862,803	10,965,702
2113	11182	XD 21(PTS12)	10	527,385,771	12.00	333,113,550	43,948,814	10,987,203
2113	11182	D 06 (PTS15)	11	666,014,685	12.00	448,752,891	55,501,224	13,875,306
2113	11182	XD 11(PTS 03)	12	388,791,896	12.00	149,424,578	32,399,325	8,099,832
2113	11182	XD 07 (PTS 04)	14	359,528,800	12.00	113,114,041	29,960,733	7,490,184
2113	11182	XD 09(PTS20)	15	1,156,157,882	12.00	844,475,240	96,346,490	24,086,622
2113	11182	XD 10(PTS21)	16	1,134,404,486	12.00	895,224,694	94,533,707	23,633,427
2113	11182	XD 13(PTS14)	17	590,914,672	12.00	382,701,904	49,242,889	12,310,722

2113	11182	XD 19(PTS02)	18	483,264,746	12.00	242,374,277	40,272,062	10,068,015
2113	11182	XD 20(PTS01) GT hoán cải	19	392,524,026	12.00	150,481,968	32,710,336	8,177,583
2113	11182	XD 17 (PTS07)	21	336,714,603	12.00	140,259,927	28,059,550	7,014,888
2113	11182	XD 18 (PTS06)	22	367,859,203	12.00	150,350,885	30,654,934	7,663,734
2113	11182	XD 03(PTS16)	24	717,141,118	12.00	461,929,231	59,761,760	14,940,441
2113	11182	D 15(PTS17)	25	764,667,508	12.00	530,791,795	63,722,292	15,930,573
2113	11182	XD08 (PTS08)	33	451,201,506	12.00	114,683,694	37,600,126	9,400,032
2113	11182	PTS 05	35	1,652,966,000	12.00	712,972,595	137,747,167	34,436,793
2113	11182	Tầu PTS10	37	1,834,997,366	12.00	1,199,689,902	152,916,447	38,229,111
2113	11182	Tầu PTS18*	38	2,472,283,158	12.00	1,803,406,482	206,023,597	51,505,899
2113	11182	Tầu PTS19*	39	2,877,877,354	12.00	2,279,036,762	239,823,113	59,955,777
2113	11182	Tàu PTS22	40	1,565,506,148	12.00	1,309,249,313	130,458,846	32,614,713
2113	11182	Tàu PTS23	42	3,741,359,777	12.00	3,568,049,204	311,779,981	77,944,995
2113	11182	Tàu PTS24	43	4,455,915,598	12.00		371,326,300	91,712,296
				27,463,829,943		**16,161,577,390**	**2,288,652,496**	**571,043,848**
		Tàu Hải Phòng 01	41	**6,624,400,240**	**8.00**	**5,655,993,055**	**828,050,030**	**210,521,248**
2111	11111	Nhà xởng khung Tiệp	44	431,656,262	20.00		21,582,813	5,395,704
2111	11111	Nhà phun sơn ,phun cát	44	78,548,033	15.00		5,236,536	1,309,134
2111	11122	Triền đà	44	15,000,000	5.00	0		0
2111	11122	Triền đà	44	1,654,274,259	20.00		82,713,713	20,490,927
2111	11122	Cầu tàu	44	33,333,356	10.00		3,333,336	833,334
2113	1115	Tụ bù+Trạm điện	44	238,210,337	10.00		23,821,034	5,955,258
2111	11111	Nhà ở công nhân	44	38,086,470	7.00		5,440,924	1,360,230
2111	11111	Nhà đểmáy nén gió	44	71,319,568	7.00		10,188,510	2,547,126
2111	11122	Bờ kè công ty	44	224,684,486	15.00		14,978,966	3,744,741
2115	**11122**	**Cây hoa sứ**	**48**	**22,600,000**	**10.00**		**2,260,000**	**1,404,040**
				2,785,112,771			**167,295,832**	**41,636,454**
								0
		TỔNG		**41,521,320,754**	**35**	**24,715,063,729**	**3,700,943,500**	**929,450,870**

Trong đó :							
- Khối kinh doanh xăng dầu			**1,394,997,528**		**658,657,133**	**123,274,599**	**30,818,644**
- Khối QLC.Ty			**2,766,789,796**	**0**	**1,788,097,063**	**232,896,733**	**57,706,958**
- Khối vận tải bộ			**486,190,476**	**8**	**450,739,088**	**60,773,810**	**15,193,452**
- Khối vận tải thuỷ			**27,463,829,943**	**0**	**16,161,577,390**	**2,288,652,496**	**571,043,848**
- Khối vận biển			**6,624,400,240**	**8**	**5,655,993,055**	**828,050,030**	**210,521,248**
TSCĐ cho CT đóng tàuPTSHP thuê			**2,785,112,771**	**0**	**0**	**167,295,832**	**44,166,720**
			41,521,320,754		24,715,063,729	3,700,943,500	929,450,870

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày:01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 214- Hao mòn tài sản cố định

Dư nợ đầu kỳ 14.961.579.465

Dư có đầu kỳ

Dư nợ cuối kỳ 16.224.912.211

D ư c ó cu ối k ỳ

Tổng cộng 1.263.332.746

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	3377VTB		15 193 452
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6274:TNH		43 410 837
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6274:VTT		843 748 497
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6274VTĐB		210 521 250
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6414		55 986 092
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6424		84 048 238
31/12		Điều chỉnh CCDC sang TSCĐ theo số liệu kiểm toán	2114		9.021.653
		Điều chỉnh CCDC sang TSCĐ theo số	2115		1.402.727

		liệu kiểm toán			

Ngày… tháng … năm…

Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Tổng Giám Đốc

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tài khoản: 214 Hao mòn tài sản cố định

Từ ngày: 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Phát sinh nợ: 560 197 017

Phát sinh có: 4 521 254 515

NGÀY	SỐ CT	DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	PS NỢ	PS CÓ
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (2113)					
31/05	39/T	Giảm TSCĐ đã nhượng bán tàu PTS02	2113	297 942 554	
31/05	39/T	Giảm TSCĐ đã nhượng bán ô tô TOYOTA ZACE	2113	262 254 463	
				560 197 017	
Thiết bị, dụng cụ quản lí (2114)					
31/12	108/T	Điều chỉnh chuyển CCDC sang TSCĐ theo số liệu kiểm toán	2114		9 021 653
					9 021 653
Thiết bị, dụng cụ quản lí (2114)					
31/12	108/T	Điều chỉnh chuyển CCDC sang TSCĐ theo số liệu kiểm toán	2115		1 402 727
					1 402 727
Phải thu phải trả VT bộ (3388VTB)					
31/03	23/T	Xe téc 16L 4493(phân bổ chi phí khấu hao Q1/2009	3388VTB		15 193 452
30/06	48/T	Xe téc 16L 4493(phân bổ chi phí khấu hao Q2/2009	3388VTB		15 193 452
30/09	74/T	Xe téc 16L 4493(phân bổ chi phí khấu hao Q3/2009	3388VTB		15 193 452
31/12	103/T	Xe téc 16L 4493(phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	3388VTB		15 193 452
					60 773 808
Chi phí khấu hao TSCĐ:công ty TNHH đóng tàu PTS HP (6274: TNHHPTS)					
31/03	23/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q1/2009	6274:TNH		41 823957
30/06	48/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q2/2009	6274:TNH		44 997 717
30/09	74/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q3/2009	6274:TNH		43 410 837
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao	6274:TNH		43 410 837

		Q4/2009			173 643 348
Chi phí khấu hao TSCĐ: vận tải thủy (6274: VTT)					
31/03	23/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q1/2009	6274:VTT		652 878 802
30/06	48/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q2/2009	6274:VTT		723 234 722
30/09	74/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q3/2009	6274:VTT		809 603 951
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6274:VTT		843 748 497 3 029 465 972
Chi phí khấu hao TSCĐ: vận tải đường biển (6274: VTĐB)					
31/03	23/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q1/2009	6274:VTĐB		210 521 250
30/06	48/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q2/2009	6274:VTĐB		210 521 250
30/09	74/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q3/2009	6274:VTĐB		210 521 250
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6274:VTĐB		210 521 250 842 085 000
Chi phí khấu hao TSCĐ (6414)					
31/03	23/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q1/2009	6414		24 710 643
30/06	48/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q2/2009	6414		24 710643
30/09	74/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q3/2009	6414		29 501 688
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6414		55 986 092 134 909 066
Chi phí khấu hao TSCĐ (6424)					
31/03	23/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q1/2009	6424		46 510 625
30/06	48/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q2/2009	6424		69 358 556
30/09	74/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q3/2009	6424		70 035 522
31/12	103/T	Phân bổ chi phí khấu hao Q4/2009	6424		84 048 238 269 952 941

Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng

2.2.6 Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng năm 2009

Báo cáo về TSCĐ được thể hiện ở phần II-TSCĐ thuộc phần Tài sản dài hạn của Bảng cân đối kế toán.

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP ***Mẫu số B01-DN***

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2009

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**53 118 972 775**	**49 842 947**
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**2 631 669 072**	**712 806 105**
1.Tiền	11	2 631 669 072	712 806 105
2.Các khoản tương đương tiền	112		
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**776 538 623**	**2 069 656 627**
1.Đầu tư ngắn hạn	121	1 853 563 423	5 628 867 827
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	-1 077 024 800	-3 559 211 200
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**17 094 003 154**	**15 462 187 282**
1.Phải thu của khách hàng	131	5 644 184 581	4 464 514 987
2.Trả trước cho người bán	132	7 202 577 648	5 763 413 216
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4.Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134		
5.Các khoản phải thu khác	135	4 289 941 925	5 276 960 079
6.Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	-42 701 000	-42 701 000
IV.Hàng tồn kho	**140**	**31 178 616 727**	**30 968 665 242**
1.Hàng tồn kho	141	31 178 616 727	30 968 665 242
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V.Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**1 438 145 199**	**628 885 691**
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152	1 250 380 671	402 642 181
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17 764 528	23 243 510

5.Tài sản ngắn hạn khác	158	170 000 000	203 000 000
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**68 092 596 056**	**50 561 981 301**
I.Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**42 701 000**	**42 701 000**
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2.Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		
3.Phải thu dài hạn nội bộ	213		
4.Phải thu dài hạn khác	218	42 701 000	42 701 000
5.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II.Tài sản cố định	**220**	**49 711 150 712**	**37 454 536 282**
1.Tài sản cố định hữu hình	221	48 018 677 662	29 213 755 021
-nguyên giá	222	64 233 165 493	41 477 609 734
-giá trị hao mòn lũy kế	223	-16 214 487 831	-12 263 854 713
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224		
-nguyên giá	225		
-giá trị hao mòn lũy kế	226		
3.Tài sản cố định vô hình	227		
-nguyên giá	228		
-giá trị hao mòn lũy kế	229		
4.Chi phí xây dựn dở dang	230	1 692 473 050	8 240 781 261
III.Bất động sản đầu tư	**240**		
-nguyên giá	241		
-giá trị hao mòn lũy kế	242		
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**9 957 000 000**	**9 957 000 000**
1.Đầu tư vào công ty con	251	5 000 000 000	5 000 000 000
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4 957 000 000	4 957 000 000
3.Đầu tư dài hạn khác	258		
4.Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		
V.Tài sản dài hạn khác	**260**	**8 381 744 344**	**3 407 744 019**
1.Chi phí trả trước dài hạn	261	8 118 258 771	3 144 258 446
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	255 985 573	255 985 573
3.Tài sản dài hạn khác	268	7 500 000	7 500 000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**121 211 568 831**	**100 404 182 248**

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

3.1 Nhận xét, đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

3.1.1 Ưu điểm

Việc áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính tương đối linh hoạt và phù hợp với công ty về đánh giá giá trị của TSCĐ hữu hình, cách phân loại đa dạng phù hợp với yêu cầu quản lí, chế độ sửa chữa, nâng cấp…Chấp hành kịp thời các chế độ, quy định liên quan đến kế toán Tài chính.

(1)Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm quy mô, yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty. Hoạt động kế toán không chỉ đơn thuần phản ánh về mặt giá trị các con số phát sinh mà còn thực hiện chức năng cung cấp thông tin giúp lãnh đạo công ty đưa ra quyết định đúng đắn hợp lí.

Các nhân viên trong phòng kế toán của công ty có trình độ chuyên môn cao, không ngừng học hỏi trau dồi kinh nghiệm thực tế cũng như luôn cập nhập thông tin một cách nhanh chóng để áp dụng vào công tác kế toán; các cán bộ kế toán được bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn để tạo hiệu quả công việc cao. Có được sự phối hợp hài hòa, đồng bộ giữa các phòng ban chức năng với nhau, giữa phòng kế toán với các phòng ban trong công ty và cùng dưới sự lãnh đạo thống nhất của ban giám đốc để hoàn thành công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả.

(2)Về hệ thống sổ sách kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hình thức khá phổ biến và có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của công ty. Việc sử dụng phần mềm kế toán VACOM giúp cho công tác hạch toán và lưu trữ chứng từ sổ sách trở nên dễ dàng và khoa học hơn. Hệ thống sổ kế toán, tài khoản và các mẫu biểu công ty sử dụng đều đúng như chính sách ban hành của Nhà nước.

Các quy định trong công tác quản lí và hạch toán TSCĐ là theo đúng chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Thể hiện trên những nội dung sau:

(3)Về phân loại TSCĐ

Việc phân loại TSCĐ được tiến hành theo một cách là phân loại theo kết cấu TSCĐ (bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lí, TSCĐ khác): có tác dụng cho biết kết cấu, tỉ trọng từng nhóm TSCĐ trong công ty. Trên cơ sở đó giúp nhà quản lí đề ra phương hướng đúng đắn, kịp thời và phù hợp với yêu cầu SXKD trong việc đầu tư cũng như giảm thiểu những tổn thất. Ngoài ra việc phân loại này cũng giúp cho công ty tăng cường quản lí và tổ chức hạch toán chi tiết TSCĐ theo từng loại từng nhóm TSCĐ và có phương pháp khấu hao cho phù hợp với từng loại, từng nhóm tài sản đó.

(4)Về công tác khấu hao TSCĐ:

Việc công ty áp dụng nhất quán chế độ tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ phù hợp với các quy định của quyết định số 206/2003 QĐ-TC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính, giúp cho công ty phản ánh đúng số khấu hao hiện có, tránh tình trạng phản ánh số khấu hao không chính xác với thời gian thực tế sử dụng của TSCĐ. Việc này đã thể hiện tính linh hoạt trong công tác kế toán của công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

(5)Về công tác tổ chức hạch toán tăng, giảm TSCĐ:

Công ty tổ chức các nghiệp vụ tăng giảm theo đúng chế độ hiện hành, khi tăng do mua sắm cũng như nhượng bán đều có các chứng từ hợp lí, hợp lệ cần thiết trước khi đưa tài sản vào sử dụng.

(6)Về công tác mã hóa TSCĐ và hệ thống tài khoản sử dụng:

Được thiết lập đầy đủ cho nhiều loại tài sản khác nhau, mang tính chặt chẽ và độ chính xác cao.

3.1.2 Nhược điểm

(1)Về đánh số TSCĐ

Công ty chưa đánh số TSCĐ theo từng nhóm loại.

Trong công ty có nhiều loại tài sản cùng loại có nguyên giá khác nhau nhưng công ty vẫn chưa tiến hành đánh số tài sản theo từng nhóm từng loại. Điều này dễ dẫn đến sự nhầm lẫn giữa loại tài sản này với tài sản khác cùng loại ở một số bộ phận. Sự nhầm lẫn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc quản lí, sử dụng và hạch toán TSCĐ. Kế toán viên, người sử dụng sẽ mất nhiều thời gian trong việc vào sổ sách, kiểm tra từng loại tài sản mới tìm được loại tài sản cần dùng. Công ty nên đánh số TSCĐ càng sớm càng tốt.

(2)Về phân loại TSCĐ

Chỉ áp dụng duy nhất một cách phân loại theo kết cấu.

TSCĐ trong công ty rất phong phú đa dạng có sự khác biệt về tính chất kĩ thuật, công dụng và thời gian sử dụng. Song công ty PTS chỉ áp dụng một cách phân loại theo kết cấu. Với cách phân loại này công ty mới chỉ liệt kê các loại tài sản vào nhóm lớn, chưa thấy sự phân loại rõ ràng theo nhiều cách khác nhau như mục đích và tình hình sử dụng của tài sản như thế nào? tài sản đó được hình thành từ các nguồn nào? Chủ sở hữu hay các khoản phải trả.

Chính điều này khiến cho doanh nghiệp chưa thấy hết được những dặc điểm của từng loại TSCĐ để áp dụng hình thức sử dụng và quản lí có hiệu quả. Kế toán rất khó khăn trong việc tính khấu hao, quy định thời gian sử dụng,chế độ bảo dưỡng… cho phù hợp.

(3)Việc kiểm kê tài sản

Công ty chưa tiến hành kiểm kê tài sản định kì 6 tháng hay 1 năm một lần. Do vậy không xác nhận được số lượng, giá trị tài sản hiện có, thừa thiếu so với thực tế và làm cơ sở cho việc quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

(4) Về đánh giá lại tài sản

Công ty không tiến hành đánh giá lại tài sản theo quy định Nhà nước hay khi cần thiết. Trong quá trình sử dụng mỗi TSCĐ được tính khấu hao theo tỷ lệ nhất định song ngoài hao mòn hữu hình còn có hao mòn vô hình(sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật, sự trượt giá của thị trường), điều này gây trở ngại trong việc xác định giá trị còn lại thực tế của tài sản theo giá thị trường. Khi khấu hao của tài sản

không được xác định chính xác thì việc tính giá thành sản phẩm cũng không chính xác. Chính điều này cũng dẫn đến việc thu hồi vốn cố định gặp khó khăn.

(5)Về việc theo dõi hao mòn và phương pháp tính khấu hao TSCĐ

-Trong công ty có nhiều TSCĐ vô hình nhưng việc theo dõi hao mòn TSCĐ chỉ áp dụng theo dõi TSCĐ hữu hình, trên sổ sách cũng chỉ ghi chép theo dõi hao mòn hữu hình mà trong điều kiện khoa học kĩ thuật phát triển từng giây từng phút cùng sự thay đổi giá cả trên thị trường thì TSCĐ vô hình lại chiếm một vị trí quan trọng. Vậy công ty không hạch toán tài khoản 214 vào sổ sách là một thiếu sót lớn cần được khắc phục.

-TSCĐ của công ty có nhiều loại nhiều nhóm khác nhau, công dụng của TSCĐ cũng như cách thức phát huy tác dụng của tài sản trong quá trình hoạt động kinh công ty cũng có sự khác nhau. Khấu hao TSCĐ phân bổ có hệ thống các chi phí mà công ty đã đầu tư để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh trong quá trình sử dụng có ảnh hưởng như thế nào đến giá thành sản phẩm dịch vụ? Phương pháp khấu hao theo đường thẳng này cố định mức khấu hao theo thời gian nên có tác dụng thúc đẩy công ty nâng cao năng suất số lượng sản phẩm hàng hóa dịch vụ làm ra để hạ giá thành tăng lợi nhuận cho công ty. Tuy nhiên việc thu hồi vốn chậm không theo kịp mức hao mòn thực tế nhất là hao mòn vô hình nên đã hạn chế việc đầu tư trang thiết bị TSCĐ mới của doanh nghiệp.

(6)Về sổ sách kế toán

Công ty chưa mở sổ chi tiết TSCĐ và sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng.

-Khi chưa mở sổ chi tiết tài sản cố định thì kế toán cũng như ban lãnh đạo công ty không theo dõi và quản lí chặt chẽ tài sản trong đơn vị từ khi mua sắm đưa vào sử dụng đến khi ghi giảm TSCĐ. Do đó công ty không xác định được cần phải bổ sung thêm tài sản nào, những TSCĐ nào cần phải thanh lí, sửa chữa.

-Còn việc chưa mở sổ TSCĐ tại nơi sử dụng khiến cho việc ghi nhận tình hình tăng giảm TSCĐ tại nơi sử dụng mất thời gian và vất vả cho kế toán viên. Không có sổ theo dõi này cũng rất khó khăn cho công ty trong quá trình kiểm kê định kì, phân bổ khấu hao cho đơn vị sử dụng.

(7) Về công tác hạch toán TSCĐ chưa đầy đủ, kịp thời

Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến TSCĐ, một số nghiệp vụ chưa được kế toán phản ánh ngay vì vậy dễ dẫn đến việc bỏ sót nghiệp vụ. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ sách với số liệu thực tế, đồng thời cũng dẫn đến việc tính giá thành sản phẩm không chính xác ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(8)Sử dụng máy vi tính trong việc theo dõi, quản lí công tác kế toán TSCĐ

Cùng với sự phát triển của xã hội hiện nay nền sản xuất cũng không ngừng phát triển để đáp ứng nhu cầu mới. Yêu cầu của công tác quản lí về khối lượng và chất lượng thông tin hạch toán ngày càng tăng. Đặc biệt công tác quản trị doanh nghiệp trong cơ chế thi trường cạnh tranh đòi hỏi phải tính toán chính xác kịp thời để đưa ra những quyết định đúng đắn. Tất cả những điều kiện này thể hiện sự cần thiết phải áp dụng máy vi tính trong công tác kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng.

Mặc dù công ty đã áp dụng phần mềm kế toán nhưng mới chỉ mang tính hỗ trợ chứ chưa thực sự đưa phần mềm vào sử dụng nên chưa khai thác được hết công dụng của phần mềm máy tính để giảm nhẹ sức lực và thời gian làm việc cho kế toán viên.

3.1.3 Nguyên nhân của tồn tại

*****Nguyên nhân khách quan

-Do sự thay đổi liên tục các quyết định, thông tư có liên quan đến TSCĐ làm cho kế toán công ty khó khăn trong việc quản lí cũng nhe hạch toán khấu hao TSCĐ.

-Do sự phát triển của xã hội, sự thay đổi, tiến bộ một cách chóng mặt của khoa học công nghệ làm cho cán bộ nhân viên trong công ty không thể bắt kịp sự thay đổi đó.

*Nguyên nhân chủ quan

-Cán bộ nhân viên trong công ty thường làm việc theo thói quen nên khi áp dụng phương thức làm việc mới cũng như ứng dụng thành tựu khoa học vào công việc chưa nhanh nhạy.

-Cùng với sự phát triển nhanh chóng của xã hội, của khoa học công nghệ. Công ty chưa có được những chính sách, định hướng cụ thể như: đào tạo, nâng ca trình độ của cán bộ nhân viên, tuyển mới những cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn có thể ứng dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật mới vào sản xuất kinh doanh…

-Bên cạnh đó khâu kiểm tra xử lí TSCĐ còn chưa chặt chẽ. Khi có các nghiệp vụ phát sinh chứng từ thường không được cập nhật kịp thời dẫn đến khó khăn trong việc quyết toán các chi phí liên quan đến nghiệp vụ đó.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện

Có thể nói đối với bất kì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh nào trong nền kinh tế thị trường thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thi trường để tồn tại và phát triển, nhà quản trị giỏi không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mà doanh nghiệp mình bỏ ra đầu tư, trong đó việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ là một trong những biện pháp tích cực nhằm góp phần phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vì nguồn vốn cố định của doanh nghiệp là một bộ phận vốn để hình thành nên những TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với mỗi doanh nghiệp trong bất kì thời kì nào thì TSCĐ cũng là yếu tố cơ bản, nó thể hiện cơ sở vật chất, trình độ công nghệ kĩ thuật, năng lực sản xuất kinh doanh và thế mạnh mỗi doanh nghiệp khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường. Đồng thời là điều kiện cần thiết để tiết kiệm sức lao động, nâng cao năng suất lao động, mặt khác trong giai đoạn hiện nay tất cả các doanh nghiệp đều nằm trong guồng máy của nền kinh tế thị trường do vậy để tồn tại và phát triển được doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm đến việc đầu tư đổi mới thiết bị máy móc nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

TSCĐ gắn liền với doanh nghiệp trong thời kì phát triển kinh tế, đặc biệt trong điều kiện khoa học- kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì vai trò của TSCĐ lại càng quan trọng. Điều đó muốn nói rằng, doanh nghiệp nào biết vận dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật vào sử dụng TSCĐ thì càng có điều kiện thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng có ngành nghề kinh doanh vận tải là chủ yếu nên TSCĐ chiếm vị trí quan trọng. Vì vậy trong công tác quản lí và sử dụng tài sản nói chung và TSCĐ nói riêng bên cạnh những mặt tích cực tạo điều kiện cho công ty không ngừng lớn mạnh trong những năm qua thì còn có những hạn chế cần khắc phục dần mà trước hết là phải hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ và quản lí TSCĐ.

Liên hệ kiến thức đã học và tình hình thực tế công ty PTS em xin đưa ra một số ý kiến dưới đây phần nào có thể đóng góp cho công ty trong việc khắc phục những vấn đề vướng mắc này.

3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Kiến nghị 1: Về đánh số TSCĐ

Khi hạch toán tăng giảm TSCĐ kế toán phải thu thập đầy đủ chứng từ kế toán có liên quan vào hồ sơ lưu tại phòng kế toán. Sau khi bộ hồ sơ đầy đủ, kế toán nhất thiết phải đánh số TSCĐ theo từng nhóm từng loại TSCĐ để thuận lợi cho công tác thống kê và quản lí tài sản tránh nhầm lẫn.

Tác dụng của việc đánh số này giúp cho kế toán viên nhanh chóng nắm bắt được số lượng TSCĐ đang có ở công ty khi kiểm kê, tiết kiệm được thời gian và công sức của con người đồng thời nâng cao hiệu quả công việc.

Kiến nghị 2: Về phân loại TSCĐ

Công ty nên áp dụng nhiều hình thức phân loại TSCĐ theo quy định của Nhà nước ngoài cách phân loại theo kết cấu để có thể thấy được các ưu điểm cũng như công dụng của từng loại tài sản như:

-Phân loại theo tính chất và mục đích sử dụng: để thấy được tài sản đó phục vụ cho bộ phận nào với mục đích gì? Ví dụ như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có máy móc thiết bị, nhà xưởng…

-Phân loại theo quyền sở hữu: có tác dụng trong việc quản lí và tổ chức kế toán phù hợp với từng loại TSCĐ theo nguồn hình thành để có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Áp dụng nhiều phương pháp phân loại TSCĐ góp phần quan trọng trong công tác quản lí cũng như việc tổ chức hạch toán TSCĐ được nhanh chóng, chính xác. Từ đó cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lí nhằm cải thiện, thay đổi TSCĐ theo kịp sự phát triển của công nghệ.

Kiến nghị 3: Việc kiểm kê tài sản

Công ty nên tiến hành kiểm kê tài sản định kì mỗi năm một lần theo quy định của Bộ tài chính. Tiến hành lập"biên bản kiểm kê TSCĐ" nhằm xác nhận số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, thừa thiếu so với sổ kế toán trên cơ sở đó tăng cường quản lí TSCĐ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Kiểm kê tài sản chia làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: kiểm kê thực tế:

-Trước khi bắt đầu kiểm kê, công ty lập Ban kiểm kê, tiến hành kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ tài liệu của từng đối tượng TSCĐ, xác định tình trạng lập và ghi chép thẻ TSCĐ, các sổ sách kế toán tổng hợp.

-Khi tiến hành kiểm kê, Ban kiểm kê phải trực tiếp xem xét, kiểm tra từng đối tượng TSCĐ, ghi chép đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu trên phiếu kiểm kê và xác định số lượng thực có trong kiểm kê. Cụ thể: ban kiểm kê xác định số lượng, chất lượng, giá trị TSCĐ hiện có của công ty PTS đến thời điểm kiểm kê bao gồm: TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, TSCĐ đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng được, TSCĐ chưa cần dùng, không cần dùng, TSCĐ chờ thanh lí. Xác định nguồn hình thành TSCĐ.

-Căn cứ vào số liệu trên sổ sách kế toán, ban kiểm kê kết luận số liệu trên sổ sách kế toán là đúng với số thực có xác định trong kiểm kê.

Giai đoạn 2: lập biên bản kiểm kê

Căn cứ vào kết quả kiểm kê, khi có kết luận không có chênh lệch xảy ra giữa số liệu trên sổ sách với số thực có, kế toán TSCĐ lập biên bản kiểm kê.

Mẫu biên bản kiểm kê TSCĐ

Đơn vị: …. Mẫu số 05-TSCĐ

Địa chỉ: …. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày … tháng… năm…..

Thời điểm kiểm kê…giờ…ngày…tháng…năm…

Ban kiểm kê gồm:

-Ông/ Bà……Chức vụ……Đại diện……Trưởng ban

-Ông/ Bà……Chức vụ……Đại diện…….Ủy viên

-Ông/ Bà……Chức vụ……Đại diện…….Ủy viên

Đã kiêm kê TSCĐ kết quả như sau:

STT	**Tên TSCĐ**	**Mã Số**	**Nơi sử dụng**	**Theo sổ kế toán**			**Theo kiểm kê**			**Chênh lệch**			Ghi chú
				Số Lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số Lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số Lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
	Cộng												

Ngày …tháng ….năm…..

Giám đốc Kế toán trưởng Trưởng ban kiểm kê

Giai đoạn 3: Xử lí sau kiểm kê

*Phát hiện thừa TSCĐ

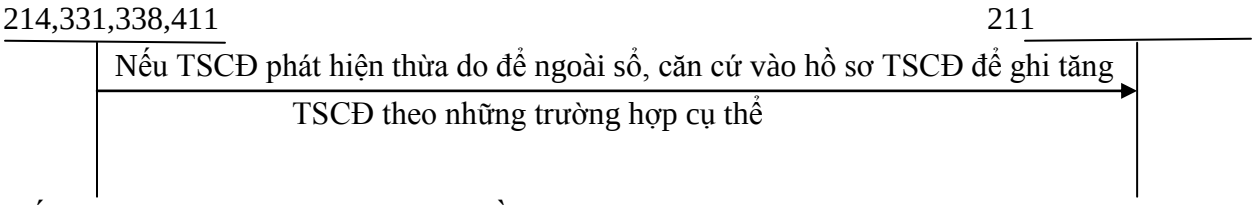

Nếu TSCĐ thừa đang sử dụng, đồng thời ghi;

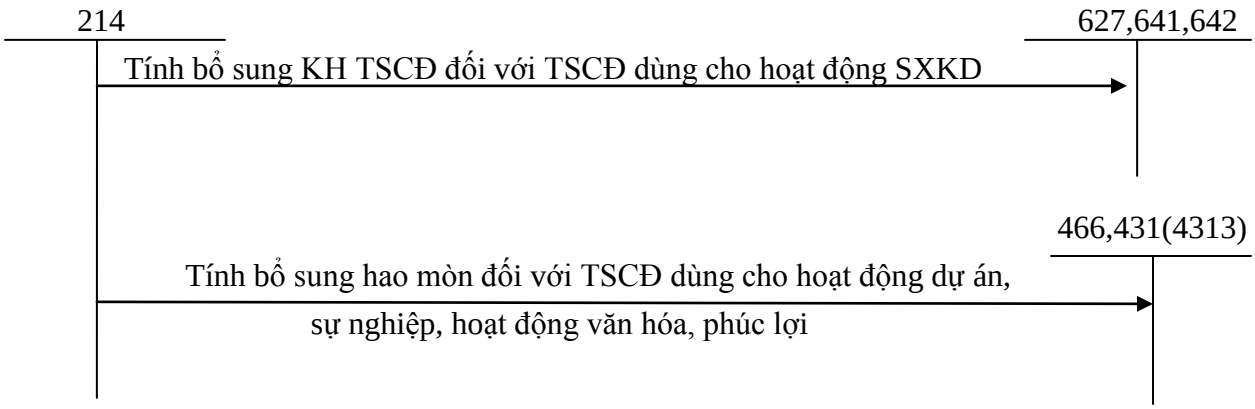

*Phát hiện thiếu TSCĐ

*Trường hợp chưa xác định được nguyên nhân

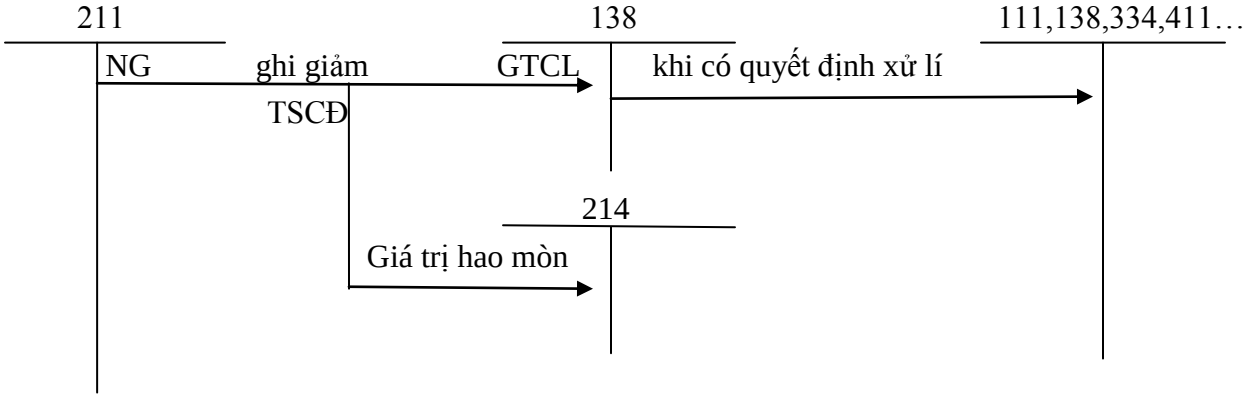

*trường hợp có quyết định xử lí ngay

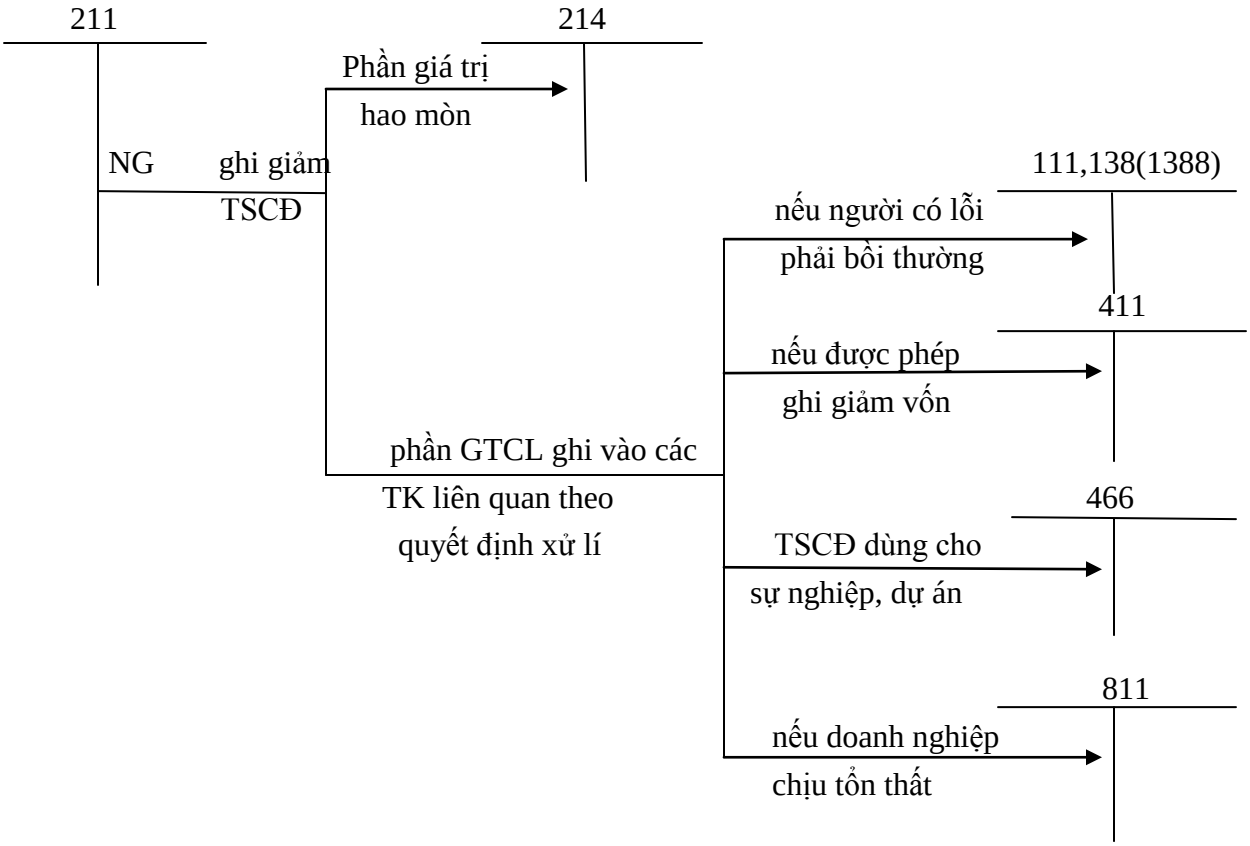

Kiến nghị 4: Về đánh giá lại tài sản

Công ty nên tiến hành đánh giá lại TSCĐ theo quy định của Nhà nước hoặc vào cuối niên độ kế toán. Việc đánh giá lại TSCĐ là một cách thường xuyên và chính xác có lợi cho công ty. Hiện nay do KHCN ngày càng tiến bộ làm cho TSCĐ không tránh khỏi sự hao mòn vô hình. Đồng thời với một cơ chế thị trường như hiện nay giá cả thường xuyên biến động. Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với thực tế. Việc thường xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn cố định nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có biện pháp xử lí nhưng TSCĐ bị mất giá nghiêm trọng chống thất thoát vốn.

Làm được điều này sẽ tạo điều kiện cho việc đánh giá năng lực sản xuất thực của TSCĐ hiện có từ đó những quyết định đầu tư đổi mới TSCĐ một cách đúng đắn và như vậy mới nâng cao được hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Khi tiến hành đánh giá lại TSCĐ, công ty nên lập" biên bản đánh giá lại TSCĐ" theo mẫu sau:

Đơn vị: …. Mẫu số 04-TSCĐ

Địa chỉ: …. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Ngày…tháng…năm…

Căn cứ Quyết định số…ngày … tháng….năm….

Của……..về việc đánh giá TSCĐ

-Ông/ Bà……Chức vụ……Đại diện…….Chủ tịch

-Ông/ Bà……Chức vụ……Đại diện…….Ủy viên

-Ông/ Bà……Chức vụ……Đại diện…….Ủy viên

STT	Tên mã, kí hiệu, quy cách	Số hiệu TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Giá trị đang ghi sổ			Giá trị còn lại theo đánh giá lại	Chênh lệch	
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị Còn lại		Tăng	Giảm
	Cộng								

Kết luận:……..

Ủy viên Ủy viên Chủ tịch hội đồng

Kiến nghị 5 :Về việc theo dõi hao mòn và phương pháp tính khấu hao TSCĐ

Về phương pháp tính khấu hao TSCĐ theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính các doanh nghiệp phải trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Công ty PTS đã áp dụng theo quyết định này song việc áp dụng phương pháp khấu hao ở công ty là chưa hợp lí vì những lí do sau:

TSCĐ trong công ty có nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau, mặt khác công dụng của TSCĐ trong quá trình hoạt động SXKD của công ty cũng có sự khác nhau, việc sử dụng tài sản cũng thu được lợi ích khác nhau. Khấu hao TSCĐ trong quá trình sử dụng tài sản và đảm bảo lợi ích thu được từ tài sản trong quá trình sử dụng TSCĐ đó. Điều này xuất phát từ nguyên tắc phù hợp của kế toán đó là thu nhập phải phù hợp với chi phí đã bỏ ra trong kì kế toán.

Để đảm bảo số lượng kế toán cung cấp phản ánh đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tình hình sử dụng TSCĐ của công ty PTS nên thay đổi phương pháp khấu hao TSCĐ theo hướng sau:

-Các thiết bị dụng cụ quản lí thường chịu tác động của hao mòn vô hình nên áp dụng phương pháp khấu hao giảm dần.

-Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải gắn liền với quá trình hoạt động kinh doanh, tính năng công suất sử dụng bị giảm dần trong quá trình sử dụng, cho phép áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng hay phương pháp khấu hao giảm dần.

-Nhà cửa vật kiến trúc áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, đối với khấu hao giá trị của TSCĐ có được phản ánh trên số sách kế toán và báo cáo tài chính cho đến khi tính hữu dụng của TSCĐ này không còn nữa.

Kiến nghị 6: Về sổ sách kế toán

Để phục vụ tốt hơn nữa cho nhu cầu quản lí TSCĐ, công ty nên mở sổ theo dõi TSCĐ đang sử dụng cho từng bộ phận sử dụng.

Sử dụng sổ này ta không những theo dõi được TSCĐ đang sử dụng ở các bộ phận sử dụng là bao nhiêu, tình hình tăng, giảm của từng loại TSCĐ như thế

nào, nguồn vốn khấu hao ra sao và từ đó còn phục vụ tốt công tác quản lí và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong từng đơn vị, bộ phận.

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐANG SỬ DỤNG

Tên đơn vị:

Bộ phận sử dụng:

Chứng từ		Số thẻ TSCĐ	Mã số TSCĐ	Tên quy cách TSCĐ	Lí do tăng giảm TSCĐ	Nguồn vốn đầu tư TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Khấu hao
SH	ngày								
				SDCK ……					
				SDCK					

Sổ này được mở ra sau mỗi nghiệp vụ liên quan đến tăng giảm TSCĐ và cuối kì khóa sổ để tính số dư cuối kì.

Bên cạnh đó công ty cũng nên mở sổ theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng. Có như vậy các phòng ban được bàn giao TSCĐ sẽ luôn co những nhận biết, thông ti chính xác về tình hình TSCĐ của đơn vị mình, từ đó sẽ chủ động và có trách nhiệm hơn trong quản lí và sử dụng TSCĐ. Đồng thời việc mở sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng cũng giúp tạo thêm tính hiệu quả và thống nhất trong công tác kế toán chi tiết tại phòng kế toán và đơn vị sử dụng.

Mẫu sổ theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng

Đơn vị: ….
Địa chỉ: ….

Mẫu số S22-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)
Ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính

SỔ TSCĐ THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Năm:

Tên đơn vị sử dụng:

Ghi tăng TSCĐ							**Ghi giảm TSCĐ**					Ghi chú
Chứng từ		Tên nhãn hiệu quy cách tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền Số hiệu	Chứng từ		Lí do giảm TSCĐ	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**
		Cộng										

Kiến nghị 7: vấn đề hạch toán TSCĐ

Công ty phải phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc mua sắm, nhượng bán TSCĐ. Mỗi nghiệp vụ phát sinh, kế toán nhanh chóng vào chứng từ, sổ sách có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ sách với kết quả kiểm kê, đánh giá TSCĐ trên thực tế. Việc này sẽ giúp cho công ty quản lí tốt TSCĐ đồng thời giúp ban giám đốc công ty có những thông tin chính xác và kịp thời nhất về tình hình sử dụng tài sản của công ty mình.

Kiến nghị 8: Sử dụng máy vi tính

Công ty nên áp dụng triệt để công dụng của phần mềm kế toán có như vậy mới giảm nhẹ được khối lượng thời gian làm việc và lượng thông tin hạch toán ngày càng tăng. Các phòng ban trong công ty phải được trang bị đầy đủ máy vi tính, các thiết bị máy móc cần thiết nhất là phòng Tài chính- kế toán. Điều này giúp cho sổ sách công ty được thiết lập một cách khoa học, chính xác và đầy đủ.

Trên đây là những kiến nghị của em nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, từ đó phần nào giúp cho hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng lớn mạnh, đi lên cùng sự phát triển chung của Việt Nam và thế giới.

KẾT LUẬN

TSCĐ là một bộ phận hết sức quan trọng và thường chiếm tỉ trọng không nhỏ trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Bởi vậy công tác kế toán TSCĐ phải được thực hiện tốt, kịp thời, đầy đủ, phản ánh giá trị TSCĐ tăng, giảm…qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lí và hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp. Để làm được điều đó, doanh nghiệp phải luôn tìm cách hoàn thiện tổ chức công tác hạch toán kế toán ở đơn vị mình.

Khóa luận" Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng" đã phần nào đưa ra được những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ ở một doanh nghiệp. Khóa luận đã đề cập được:

-Về mặt lí luận: khóa luận đã nêu ra được những vấn đề rất cơ bản về TSCĐ, về hạch toán TSCĐ, những phương pháp hạch toán TSCĐ và liên quan tới TSCĐ trong doanh nghiệp.

-Về mặt thực tiễn: khóa luân đã phản ánh đầy đủ tình hình tổ chức kế toán TSCĐ ở công ty PTS và được chứng minh bằng những số liệu của năm 2009.

-Về mặt kiến nghị: đối chiếu giữa lí luận và thực tế thu nhận được khóa luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ ở công ty PTS. Những kiến nghị này đều xuất phát từ cơ sở thực tế, chế độ kế toán hiện hành và các văn bản có liên quan nên có tính khả thi. Tuy nhiên không tránh khỏi màu sắc lí thuyết song cũng là sự mạnh dạn đề xuất cho doanh nghiệp tham khảo.

Do thời gian thực tập ngắn, kiến thức bản thân có hạn, vấn đề nghiên cứu rộng, tổng hợp nhưng được sự giúp đỡ tạo mọi điều kiện thuận lợi của lãnh đạo, các phòng ban đặc biệt là các anh chị trong phòng Tài chính- kế toán của công ty, sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo hướng dẫn đã giúp em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính

Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội năm 2006

2.Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp

Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

3.Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nhà xuất bản Lao động – Xã hội Hà Nội năm 2007

4.Báo cáo tài chính công ty PTS

5.Sổ chi tiết, sổ cái, nhật kí chung 2009 của công ty PTS

6.Các tài liệu tham khảo khác.